

TRONG KHÁM LỚN

Như một cuộc hẹn hò lặng lẽ, sáng nào tôi cũng là một trong những người ra bám vào hàng rào sắt của cái sân nhỏ nhìn xuống sân bên dưới của san giam phụ nữ: các nữ tù nhân từng đôi một mang thùng xi ra đặt ở đây. Trong đám những người cùng xách thùng ra ấy có chị Nguyệt người cao dong dỏng, da trắng, mặt tròn như trăng rằm, và chị Đầy, cô bạn có nét mặt hiền dịu. Cả hai người liếc vội lên phía chúng tôi một cái nhìn sáng ngời ngợt. "Thiên đường thơ ngây với những niềm vui vụng trộm".

Nguyễn Trung Nguyệt mà chúng tôi gọi là Chị, vừa tròn hai mươi chín tuổi. Chị là nữ tù nhân thâm niên nhất, bảy năm giam cầm. Chị sinh ra trong một gia đình nhà nho nông thôn. Đoạn tuyệt với truyền thống, chưa đến tuổi hai mươi, chị đã cải trang làm con trai, trốn xuống tàu đi Quảng Châu gia nhập Thanh niên cách mạng đồng chí hội. Dưới bí danh Bảo Lan, chị viết bài đăng trên tờ báo *Diễn đàn phụ nữ* của đảng. Vé duyên dáng tươi tắn cũng như thái độ tự do thoái mái của chị trong quan hệ với nam giới không phải là không gây lo ngại cho các người trong ban lãnh đạo của Đảng, họ liên tiếp đưa ra những lời cảnh báo ngăn chặn những cuộc "tình ái lăng nhăng" chuyên gây rối loạn. Điều đó không hề ngăn cản có những đồng chí chết mê chết mệt vì chị. Trở về Nam Kỳ, chị

bị bắt ngày mồng 7 tháng sáu 1929, lúc đang hai mươi hai tuổi trong vụ ám sát ở phố Barbier nhộn nhạo báo chí một thời.

Đêm mồng 8 rạng mồng 9 tháng chạp 1928, việc thi hành án tử hình một đồng chí tên là Lê Văn Phát đã được quyết định bởi đích thân ban lãnh đạo Đảng của Nam Kỳ. Tội của anh ta là những quan hệ yêu đương với nữ đồng chí Thị Nhứt, nghĩa là không có khả năng "trút bỏ những tình cảm cá nhân để toàn tâm toàn ý với cách mạng"... Chủ tịch phiên tòa cách mạng là Tôn Đức Thắng, "người anh hùng Biển Đen" (được gọi như thế do chuyện nổi loạn hồi tháng tư 1919 của một tàu chiến Pháp ở đó Thắng đã kéo lên một lá cờ đỏ). Phiên tòa đã thông qua bản án và chỉ định ba đảng viên trẻ tuổi lãnh trách nhiệm thi hành. Những động cơ bên trong của vụ giết người có chủ mưu ấy – tự ái cá nhân, ghen tuông – tất nhiên là nằm trong vòng bí mật. Tấn thảm kịch phố Barbier làm tôi rất đau lòng. Nó chỉ rõ quyền lực độc đoán của một chính đảng những người cách mạng chuyên nghiệp thống trị mọi mặt của đời sống có thể dẫn người ta đến đâu. Xác chết bị phát hiện, ngành công lý Pháp đến lượt nó nhảy vào cuộc. Tòa tư pháp Sài Gòn họp ngày 15 tháng bảy 1930 xử tử hình ba người trẻ tuổi phạm tội giết người. Cũng trong vụ xử ấy, Tôn Đức Thắng lĩnh hai mươi năm đi tù. Cái tình tiết mờ ám ấy trong cuộc đời vị "anh hùng lịch sử" – sau này, vào năm 1969, đã trở thành người kế nhiệm Hồ Chí Minh đứng đầu đất nước – đã hoàn toàn biến mất trong lịch sử chính thống của nước Cộng hòa gọi là xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Phạm Văn Đồng, sau này là thủ tướng của Hồ Chí Minh, cũng bị kết mươi năm tù giam trong vụ án ấy.

Vai trò chính xác của Nguyễn Trung Nguyệt trong vụ này không được rõ, nhưng chị là đảng viên của Đảng Thanh niên,

họ hàng với vợ Tôn Đức Thắng, và chị đã bị kết án tám năm tù giam.

Cô bạn của chị là chị Đầy (Nguyễn Thị Đại), năm 1935 đang độ tuổi hai mươi ba thì bị kết án năm năm tù giam và mười năm biệt xứ vì in truyền đơn. Còn những cô bạn gái tù chính trị của họ Lê Thị Định, Nguyễn Thị Ba, Nguyễn Ngọc Tốt... cùng bị kết án trong đám, nay các chị ấy đang ở đâu?

Tôi còn nhớ vụ xét xử lớn tháng năm 1933, nhớ những người nữ chiến sĩ xông pha trong những cuộc nổi dậy chống thực dân, bị tra tấn trong các phòng của Sở Mật thám, và cũng bị kết những bản án nặng nề... Lúc này các chị ấy có còn ở đâu đó sau những bức tường kia không? Nguyễn Thị Sáu, hai mươi mốt tuổi, in truyền đơn và báo chí bí mật; Nguyễn Thị Nho, hai mươi lăm tuổi, và Phạm Thị Lợi, những người đã tham gia "tòa án cách mạng" xử tử những viên kỳ hào chỉ điểm ở Hựu Thạnh; Nguyễn Thị Nam, rất tích cực trong các cuộc biểu tình nhân dân vùng Cao Lãnh; Trần Thị Hạnh thoát đầu là nữ giáo viên ở Vĩnh Long, và Trần Thị Đầy, cả hai đã xin vào làm tại Sở dầu Pháp – á ở Nhà Bè để hoạt động cách mạng trong đám culi nữ...

Cuộc sống giam cầm tẻ ngắt mỗi tháng được phá vỡ hai lần bởi các cuộc đi thăm của người nhà tù nhân vào ngày thứ ba đầu tiên nửa tháng một lần. Người nhà chúng tôi, hầu hết đến từ những vùng quê xa xôi, tới Sài Gòn từ hôm trước, tự lo lấy chỗ ngủ gấp chăng hay chớ để có mặt ở nhà giam sáng sớm hôm sau.

Các đồng chí báo *La Lutte* giúp họ làm đơn xin vào thăm có dán tem phải nộp tòa vào giờ đầu, và thông qua người nhà của chúng tôi, anh em gửi lương thực vào cho chúng tôi.

Bọn cai ngục bắt những người được gọi ra gặp người nhà ngồi xổm dưới đất theo dãy hành lang, đối diện với bàn giấy của các viên cai sếp và các ghisê. Người nhà vào thăm đến ngồi xổm phía dưới bên ngoài lối đi, đối diện với người mình vào thăm, và đặt đồ tiếp tế xuống đất trước mặt mình. Đám cai ngục lục lọi các gói đồ tiếp tế, nắn bóp các điếu thuốc lá, vừa làm vừa theo dõi các cuộc chuyện trò của chúng tôi với người nhà. Tên cai sếp Agostini đích thân có mặt kiểm soát và khám xét xong là đuổi các người nhà ra, không thèm kể đến thời gian cho phép vào thăm còn hay không.

Chính vào các cuộc thăm nom ấy, chúng tôi đã qua mắt được bọn cai ngục chuyển cho báo *La Lutte* những tin tức nhà tù. Các mảnh giấy báo gói đồ tiếp tế đem lại cho chúng tôi những mẩu thông tin về thế giới bên ngoài.

Hai tuần sau khi chúng tôi bị tống giam, một buổi chiều nọ, tiến vào cái sân di dạo, từng người một, khoảng bốn chục người đàn ông, cũng những gương mặt tù, nhưng hồn nét hơn.

Đó là những tù chính trị giải từ Côn Đảo về. Trong đám họ, nhiều người bị kết án năm ngoái, là đảng viên đảng Cộng sản Đông Dương hoặc đơn giản chỉ là những người tham gia các nông hội bí mật.

Các cuộc tiếp xúc đầu tiên của họ với chúng tôi có vẻ giữ ý, ít nói. Họ biết chúng tôi là những người phe tả đối lập.

Tôi biết tên họ qua những tờ báo tôi đã đọc ngẫu nhiên hồi xứ họ vào tháng sáu 1935. Đây là Trần Văn Giàu, hai mươi lăm tuổi, từ Mátxcơva về. "Nhà cách mạng chuyên nghiệp", anh ta đã kiêu hãnh tự giới thiệu như vậy trước tòa ngày 24 tháng sáu. Đôi mắt sắc lẻm của anh ánh lên cái quyết tâm lì lợm của một đầu óc cứng nhắc. Nguyễn Văn Dụt, một chàng trai cao



Cửa ngục Khám Lớn Sài Gòn

lớn gày đét, lâm lì và dẽ nổi dóa. "Do tù dày nê thành ra thế", anh ta nói như muốn tự phân trần. Trần Văn Vi, nguyên là lục bộ Hội đồng kỳ hào làng Vĩnh Kim, con người không phải không có vẻ ngạo mạn. Phải chăng đó là vì anh ta là uỷ viên dự khuyết Ban chấp hành trung ương ? Tôi nhớ vài gương mặt nữa : Châu Văn Giác, khi cười cứ giơ cái răng nanh mọc lẫy ra, Nguyễn Hữu Thế nom có vẻ như một thày giáo làng, Phạm Văn Kinh, có nước da sẫm nê được gọi là ấn Độ.

Trong đám "tù Côn Đảo về" ấy có cả nhóm nông dân Mỏ Cày (Bến Tre) hồi năm ngoái, ngay giữa phiên tòa xử, đã không chịu đứng dậy nghe tuyên án mà lại giơ nắm đấm lên hô : "Đả đảo đế quốc Pháp !" Tòa đã phang thêm cho mỗi người năm năm tù nữa... Và họ lại đứng thẳng lên hô : "Đả đảo đế quốc Pháp !" Mặc dầu bọn cảnh binh lồng lộn đánh đập rất dã man, cuộc biểu thị chống đối vẫn tiếp tục cho đến lúc các tù nhân bị dồn trở về nhà giam trong vòng vây của dân chúng qua đường đổ xô đến xem và ủng hộ.

Trong thời gian chờ bị xử, anh em nông dân Đức Hòa và nhóm chúng tôi bị giam ở san số 6, còn đám "tù Côn Đảo về" thì bị giam ở san số 5. Nhưng trong những giờ mở cửa san cho ra ngoài thì tất cả đều ra sân, và chính ở đó đã diễn ra những cuộc tiếp xúc giữa tù nhân chúng tôi, tuy thận trọng nhưng nhiều khi thực lòng. Họ, những người phái Stalin, và chúng tôi, những người tán thành quan điểm của Trôtski, như ngầm bảo nhau không nên gây nên những cuộc căng thẳng giữa chúng tôi trên đất của kẻ thù chung.

Tôn, mà các bạn anh ta gọi là Tôn Thanh niên, là một anh chàng vui vẻ hay cười, đã kể cho tôi nghe chuyện anh "qua"

sở mật thám Bến Tre như kể một chuyện vui. Những người bị phạt theo chế độ ăn cơm muối và không được uống nước, sau buổi tra tấn bằng roi mây quật vào gan bàn chân, bị bọn cớm bắt phải chạy vòng quanh cái sân rải đá sỏi của Sở Mật thám dưới trời nắng gắt giữa trưa. Khát cồn khát cào, Tồn đã đứng lại, và mặc dù bị quật túi bụi, đã vục mồm xuống uống cái nước tanh ngòm của vũng nước vịt đầm.

Tôi thích chuyện trò với một ông lão mù, đôi mắt như có mây bao phủ. Tôi thán phục nghị lực trẻ trung cũng như vẻ mặt an nhiên và kiên định của ông lão. Bị buộc tội một đêm nọ đã kéo một lá cờ đỏ lên ngọn một cây dừa trong xóm, ông lão bị kết án ba năm tù và sáu năm biệt xứ, đày ra Côn Đảo. Người ta gọi ông lão là Vân Tiên, tên của nhân vật tiểu thuyết dân gian Lục Vân Tiên, một nhà nho trẻ vì khóc mẹ chết mà sinh mù.

Trần Văn Giàu kể cho tôi nghe chuyện tuyệt thực và đấu tranh không đi làm cỏ vê ở nhà lao Côn Đảo để phản đối việc cho ăn thức ăn thiu thối và đánh đập. Các cuộc đấu tranh ấy nổ ra lần đầu vào ngày mồng 1 tháng ba 1935. Một lũ cai tay cầm gậy gộc xông vào các san, mồm thét : "Ta hát bài Mácxaye theo kiểu Brötong nào !" Và thế là xông vào đám tù nhân mà đánh đập túi bụi. Những tiếng hô đồng thanh "Đả đảo chủ nghĩa đế quốc" cứ yếu dần trước sự tàn bạo của bọn cai ngục. Chúng ra sân rửa những cây dùi cui đẫm máu của chúng vào bể nước rồi lại quay vào phang lên những cái sọ máu me, những tấm lưng tím bầm, những cẳng chân cẳng tay đầy thương tích cho tới khi nào tiếng hô của đám nạn nhân yếu đi rồi lịm hẳn. Nguyễn Văn Nữ, đầu cao trọc lốc như đầu sư, khẽ chuyển cho tôi tập "Ký ức Côn Đảo" của anh ghi trong một cuốn sổ nhỏ đóng bằng giấy vệ sinh đen den.

Ngày mồng 6 tháng sáu 1936, mười hai anh bạn nông dân Đức Hòa của chúng tôi bị đưa ra tòa. Trở về nhà giam, đáp lại những câu hỏi lo lắng của chúng tôi, tất cả những gì họ có thể nói với chúng tôi chỉ là họ đã khai trước tòa là đã bị tra tấn và đã nhận tất cả những gì người ta muốn họ nhận. Về nhân chứng, tòa chỉ cho triệu đến chính những người đã bắt bớ tra khảo họ : viên chủ quận Đức Hòa đã ra lệnh bắt họ và viên cẩm mật thám Gélot đã tra tấn họ. Những lời khai của nhân chứng, lời buộc tội của bồi thẩm, lời cãi của trạng sư, tất cả đều bằng tiếng Pháp thì họ là sao hiểu được ? Chẳng ai dịch cho họ nghe cả, cứ như những chuyện ấy chẳng dính dáng gì đến họ vậy. Nguyễn Văn Sang, một anh chàng cao lớn, bị án một năm tù giam kèm theo năm năm biệt xứ, còn mười một người còn lại thì bị từ ba đến sáu tháng.

Qua những tờ báo bọc đồ tiếp tế mang vào cho chúng tôi, chẳng bao lâu sau, chúng tôi được biết rằng hoạt động "lật đổ" của Sang chỉ là "định" trương một lá cờ đỏ trong một trường học nhân kỷ niệm ngày mồng 1 tháng năm, còn anh bạn Lô của anh ta thì có vẻ như là đã rải truyền đơn ở ngoài đồng. Người ta cũng buộc tội họ đã có những cuộc họp nói về chuyện chia ruộng đất cho dân cày và đã tham gia một hội mà tiền guyệt liêm đóng hàng tháng là một xu.

Chúng tôi được tin sắp có một phái đoàn điều tra của Marius Moutet bộ trưởng Bộ Thuộc địa và chúng tôi định lên tiếng. Các anh em "tù Côn Đảo vê" đề xuất với chúng tôi một cuộc tuyệt thực để đòi chế độ tù chính trị.

Chờ đến đêm, chúng tôi lấy hòn đá gõ xuống sàn xi măng đánh tín hiệu moóc cho các chị em bị giam ở đúng phòng tầng dưới, báo tin kế hoạch tuyệt thực.

Sang, người hăng hái nhất trong đám nông dân Đức Hòa tuyên bố kiên quyết: "Tôi thì muốn gì thì gì cũng sẽ đi đến cùng!"... Còn tôi thì không tránh khỏi nghĩ đến câu ngạn ngữ dân gian: "nam thất nữ cửu" (đàn ông nhện đói bảy ngày là chết, đàn bà thì chín ngày).

8 giờ sáng hôm thứ ba 11 tháng tám 1936, tên cai sếp Agostini vào khám xét như thường lệ, đi cùng có một tên cai người Pháp, thắt lưng đeo súng lục, và một người bồi phòng. Khám xét các san xong, không phát hiện thấy có gì bất thường trên trần, trên tường, chúng định cút thì chính chúng tôi đứng ra tuyên chiến: Dụt, người đại diện cho chúng tôi, được khôn khéo chỉ định thay chân tôi vì tôi bị tên cai sếp ghét, tiến lên trước mặt tên Agostini, tuyên bố: "Toàn thể chúng tôi đòi chính phủ để cho chúng tôi được hưởng chế độ tù chính trị, và để làm hậu thuẫn cho đề nghị của chúng tôi, từ hôm nay, chúng tôi sẽ nhịn ăn". Chẳng nói chẳng rằng, Agostini đưa cho chúng tôi tờ giấy và cái bút chì, và đồng ý chuyển lên trên bản danh sách những đòi hỏi của chúng tôi: áp dụng chế độ tù chính trị như nó đang được áp dụng ở Pháp, đưa trở về tất cả các tù nhân chính trị bị đày đi Côn Đảo, Lao Bảo, Sơn La, Guyane, Inini, cải thiện bữa ăn (xuất ăn hàng ngày của tù nhân người Âu là 80 xu, còn xuất ăn của người tù An nam không quá 6 xu). Chúng tôi yêu cầu được nhận báo chí sách vở, trước mắt đòi được có giấy, bút mực; ngoài ra, những người ốm đưa đi nằm nhà thương không bị cạo trọc đầu và cùm chân. Như thường lệ, đến giờ cơm, đám tù thường phạm lại mang đến những thùng cơm đặt thành hàng ở ngoài sân. Hơn nửa giờ sau, chỗ thức ăn còn nguyên lại được đem đi. Chúng tôi vẫn nằm trong phòng. Đến giờ mở cửa cho ra sân, cũng chẳng ai ra.

Những ngày nhịn dầu tiên, tôi cảm thấy trong người vô cùng trống rỗng, và đến giờ cơm là mồ hôi cứ vã ra. Những ngày sau, tôi nhược người đi hẳn, nhưng đỡ bị cái đói dày vò. Trừ cái hôm chúng mang đến cơm kèm theo món lươn xào vắt chanh thơm lừng. Mọi người vẫn kiên trì.

Đến ngày thứ năm, Sang chẳng nói chẳng rằng kéo vài anh em ra chỗ đặt các thùng cơm trong không khí lạnh đậm lặng lẽ của những người vẫn nằm nguyên trong phòng.

Tôi cảm thấy ngày dài lê thê hơn đêm. Hẹn bảy ngày đã qua mà vẫn chẳng có ai trong chúng tôi, kể cả ông già Vân Tiên, về chầu ông bà ông vải cả. Chúng tôi lấy đường cất giấu trong tường bối dưỡng cho những người già nhất và có vẻ sắp quy.

Sáng sáng, vào lúc tám giờ, tên cai sếp Agostini lại đến ném một cái nhìn thờ ơ lên những thân hình nằm bếp dưới đất như cá hộp.

Đến ngày thứ mười một, vẫn chẳng có một phản ứng gì, anh em tuyệt thực đã đi tới chõ sức cùng lực kiệt. Chúng tôi quyết định hôm sau sẽ tuyên bố với Agostini chấm dứt tuyệt thực. Sáng hôm đó, bọn cai ngục cho chúng tôi sữa hộp và nước đun sôi để nguội. Cơ thể kiệt lực của chúng tôi lập tức hồi lại, và mọi người cảm thấy một niềm vui ấm áp mặc dù chúng tôi coi cuộc tuyệt thực là một thất bại.

Đến trưa, chúng tôi đổ nước ào ào vào cái máng rửa : nước qua đường ống cống chảy ra phố Filippini. Đó là tín hiệu chấm dứt tuyệt thực của chúng tôi báo cho anh em báo *La Lutte* có trụ sở ngay cạnh nhà tù và từ ngày 11 tháng tám trưa nào cũng cử người theo dõi.

Thứ hai 30 tháng tám 1936, chúng đưa chúng tôi ra tòa xử. Chúng tôi bàn với nhau ra tòa sẽ trả lời càng ngắn gọn càng

tốt... và tránh những lời tuyên bố có thể bị dám theo Stalin lợi dụng để chống lại chúng tôi. Tay deo còng và dưới sự áp giải của bọn cảnh sát súng ống chỉnh tề, chúng tôi qua phố Lagrandière để vào pháp đình được gọi là tòa công lý ở đối diện nhà tù. Quanh tòa án đầy những cảnh sát ăn mặc thường phục hoặc y phục cảnh sát.

Chúng tôi ngồi trên những hàng ghế dài đâu phòng xử án. Phòng đầy ắp những tên cớm và nhà báo. Trên bục quan tòa là viên chánh án Lavau mặt quắt thoảng một bộ ria Charlot ở dưới mũi, viên công tố Bouin, mặt mũi đỏ gay. Viên thông ngôn An nam mặc bộ đồ trắng làm ra bộ quan trọng sau chiếc bàn nhỏ của hắn.

Trước cái cảnh dàn dựng đúng thủ tục ấy, đâu óc tôi có phân nào "để tận đâu đâu" cho nên tôi có vẻ như đứng đong. Viên chánh án nhìn tôi chằm chằm qua phía trên gọng kính, lẩm bẩm: "Cái gã kia làm sao vậy? Ốm ư?" Một viên trạng sư bước đến bên tôi, nói nhỏ bảo tôi thả chân xuống, không được vắt chữ ngũ, và ngồi ngay ngắn lên, rồi bước tới trước bục, ông ta nói điều gì đó với viên quan tòa như có ý xin bỏ qua cho tôi.

Lư Sanh Hạnh bị tra hỏi đâu tiên. Anh bị buộc tội vào năm 1935 đã thành lập một nhóm đặt tên là "Chánh đoàn cộng sản quốc tế chủ nghĩa, phá tán thành Đệ tứ quốc tế" với mục đích lật đổ chính phủ và thiết lập chế độ cộng sản, đã xuất bản tập *Cách mạng thường trực và truyền đi tờ báo Tiên Dao* in bằng một máy rônenô đem về từ Pháp. Và tất cả chúng tôi đều bị buộc tội "tham gia hội kín và hoạt động lật đổ" vì đã tích cực góp phần vào cuộc bãi công của các người lái xe thồ môt hối tháng chạp 1935. Lư Sanh Hạnh khai rằng chúng tôi chỉ muốn giúp

công nhân và nông dân có được tự do nghiệp đoàn. Viên công tố tiếp tục tấn công, đọc những đoạn trích từ trong tờ báo của chúng tôi được dịch sang tiếng Pháp, theo đó thì hoạt động của Chánh đoàn là nhằm tới tiêu diệt chế độ thuộc địa thông qua khởi nghĩa và lập ra một chế độ cộng sản quốc tế.

Đến lượt tôi. Tôi bị buộc tội, trên cương vị là thành viên của Chánh đoàn, đã tổ chức ra một nhà in. Bị hỏi về những hoạt động của tôi ở Descours et Cabaud, tôi có khai là có định thành lập một hội ái hữu của anh em culi và lái xe, nhưng không thành.

Viên chánh án nhắc lại chuyện tôi bỏ việc năm ngoái xuống làm bồi trên một con tàu của hãng Messageries maritimes. Rồi ông ta hỏi tôi :

"Các người có chủ trương hoạt động nhằm lật đổ chính phủ và thành lập ra chế độ cộng sản trên xứ này không?"

– Chúng tôi chưa nghĩ đến chuyện ấy. Chúng tôi đấu tranh để giành được các quyền tự do dân chủ...

Tiếp diễn của các cuộc hỏi cung đôi lúc cho tôi biết thêm về hoạt động của những anh em cùng bị ra tòa với tôi : Trịnh Văn Lâu, mà tôi chỉ biết mặt trong những cuộc họp bí mật ba người tại những quán cơm bình dân của người Tàu ở phố Blanchy, đang vừa theo học trung học vừa dạy học ở một trường tư để kiếm gạo ; Ngô Chính Phến là thủ ký hãng buôn ; Văn Văn Ký, chú em út của chúng tôi, là thợ in của nhà in Nguyễn Văn Của, nơi chú ta lấy cắp chữ in và mực in cho nhà in bí mật của chúng tôi ; Võ Văn Đơn, culi ở Descours et Cabaud, đã biết giữ im lặng về "hội ái hữu" của chúng tôi và chỉ thú nhận có chuyển báo và một đêm, trên đường Giồng Ông Tố phía bên kia sông Sài Gòn – con đường sáng sáng có nhiều thợ thuyền và culi

qua lại đến chỗ làm – đã căng một bänderon đỏ kêu gọi chuẩn bị tổng đình công.

Ra đứng trước vành móng ngựa đến lượt tên trùm tra tấn chúng tôi, tên cầm Perroche. Hắn nói về nhóm chúng tôi như nói về một tổ chức nhầm lật đổ rộng lớn có một ảnh hưởng rất to lớn. Hắn kết luận rằng muốn xóa bỏ nhóm chúng tôi thì phải bắt ít ra là 500 người.

Một viên trạng sư hỏi :

– Ở đây tôi chỉ có tám, vậy 492 người còn lại, ông làm gì họ rồi ?

– Chúng tôi không bắt thêm được vì thiếu chứng cứ cụ thể.

Đến lượt viên công tố Bouin gợi lại rằng trong phiên tòa trước, chỉ là những người nông dân Đức Hòa khốn khổ, còn lần này tòa phải xem xét những con người có học hơn, nghĩa là nguy hiểm hơn. Ông ta viện ra những đoạn trích các bài đăng trên tờ báo *Tiên Đạo* của chúng tôi dịch sang tiếng Pháp, nhấn mạnh những đoạn chúng tôi lên án mọi thứ chủ nghĩa quốc gia và đề xướng chuyển chiến tranh để quốc thành nội chiến. Do đó ông ta đòi phải có những bản án nghiêm khắc.

Các trạng sư Trịnh Đình Thảo và Lê Văn Kim tỏ ra ngạc nhiên trước việc ủy viên công tố nói đến "bệnh dịch cộng sản" trong khi ở Pháp, các người cộng sản lại ở trong Mặt trận Bình dân đang cầm quyền. Các ông phân tích rằng những yêu sách tự do nghiệp đoàn của chúng tôi không hề là phạm pháp, bởi vì ngay trong lúc này, khắp nơi trong xứ sở, các uỷ ban hành động đang làm cái việc thảo ra các sổ yêu sách gửi lên chính phủ mà có bị bắt bớ gì đâu. Nói như vậy là các ông ám chỉ đến phong trào Đại hội Đông Dương đang diễn ra.

Trạng sư Pháp Loyer tiếp theo: "Các ngài có ở đây tám anh chàng khổn khổ không tiền, không phương tiện, không vũ khí. Và họ đã làm gì hại cho trật tự công cộng ngoài việc họp nhau lại lúc thì ở Thư viện Sài Gòn, lúc ở Descours et Cabaud, lúc ở một quán cơm nghèo?"

Các cuộc tranh biện kết thúc vào lúc đổ tối. Tôi lo cho Lư Sanh Hạnh vì anh ta là người tái phạm.

Mười lăm phút sau, bản án được tuyên bố: Lư Sanh Hạnh, mười tám tháng, Ngô Văn Xuyết, một năm, Trịnh Văn Lầu và Ngô Chính Phến, tám tháng, Văn Văn Ký, sáu tháng, Phạm Văn Muỗi và Võ Văn Đơn, sáu tháng án treo, Văn Văn Ba, tha bổng. Chúng tôi đã chờ đợi những điều tồi tệ hơn.

Đêm xuống. Một nhóm người đứng trên hè đối diện nhà tù ngóng đợi chúng tôi từ trong tòa án đi ra. Tôi giật mình thấy cái bóng nhỏ bé của mẹ tôi. Ngàn trùng xa làng xa xóm, bà như lạc chìm trong ánh sáng điện mờ ảo. Đi qua gần chỗ bà, tôi chỉ kịp nói nhỏ vài lời động viên.

Vành trăng sáng bạc long lanh trên cao bức tường bao nhà tù. Tấm cửa sắt nặng nề ầm ầm đóng sập lại sau lưng chúng tôi.

Kết quả tối muộn của chuyện chúng tôi tuyệt thực: đến tháng chín 1936, thay vì giấy và bút, mực, có thể sử dụng để viết truyền đơn và sách báo, người ta cấp cho mỗi san một chiếc bảng đen. Thỉnh thoảng chúng tôi nhận được vài tờ báo từ Pháp gửi sang.

Do vậy đã tới chúng tôi, với một quãng thời gian chậm trễ, cái tin sét đánh vụ án đầu tiên, dàn dựng lên ở Mătxcơva, xứ các nhà cách mạng 1917. Chúng tôi thực sự choáng váng và đau lòng trước những lời tự buộc tội ty tiện, mười chín năm sau cách mạng.

ZINOVIEV: Chúng tôi căm thù Ban Chấp hành trung ương Đảng và Stalin. Chúng tôi tin tưởng chắc chắn rằng các nhà lãnh đạo phải được thay thế bằng chúng tôi, hợp tác chặt chẽ với Trôtski.

KAMÉNEV: Cuộc ám mưu khủng bố là do tôi, Zinoviev và Trôtski tổ chức và lãnh đạo... Tinh thần chúng tôi là căm thù ban lãnh đạo Đảng và đất nước.

UỶ VIÊN CÔNG TỐ VICHINSKY: Chúng là những kẻ dối trá và những tên hề, những kẻ tí hon thảm hại, những con chó nhép sủa voi... Đối với những đồ chó dại ấy, tôi yêu cầu phải xử tử. Tất cả bọn chúng, cho đến tên cuối cùng.

Mátxcova ngày 19 tháng tám 1936.

Mười sáu người bị truy tố đã bị xử bắn...

Chúng tôi tránh không nhắc tới chuyện ấy trong các cuộc chuyện trò với các người phái Stalin. Nhưng lòng chúng tôi đầy lo âu và đâu óc chúng tôi quay cuồng hàng nghìn câu hỏi.

Ngày 27 tháng chín 1936, tôi xúc động được tin Nguyễn An Ninh và Tạ Thu Thâu đã "vào". Họ bị giam ở san số 7 đã phân tán các người đang bị giam ở đây đi chỗ khác. Nhưng vào những giờ mở cửa cho ra sân đi dạo, chúng tôi được gặp họ. Ngày mồng 3 tháng mười 1936, Nguyễn Văn Tạo vào nhập với họ.

Cương lĩnh của Mặt trận Bình dân Pháp có bao gồm việc cử một phái đoàn điều tra của nghị viện sang nắm nguyễn vọng

của các dân tộc thuộc địa. Tạ Thu Thâu và báo *La Lutte* kêu gọi thành lập những uỷ ban hành động và cử đại biểu đi dự một cuộc Đại hội Đông Dương được quan niệm như bước phác thảo của một Mặt trận bình dân bản địa. Chiến dịch vận động cho Đại hội được tung ra, hàng nghìn hàng vạn tờ truyền đơn được rải. Các uỷ ban hành động lan đi nhanh như chớp. Trong vùng Sài Gòn-Chợ Lớn, chúng được tổ chức ra ở Công ty tàu điện Pháp, ở nhà máy thuốc lá, ở Nhà máy rượu Bình Tây, ở Sở Dầu Nhà Bè, ở đường sắt, ở các nhà in, ở trong giới những người lái xe thồ môt Tân Sơn Nhứt... Sự sôi sục trong dân chúng mạnh mẽ như sóng triều dâng. Chính quyền thuộc địa phát hoảng và báo động với Paris. Ngày mồng 8 tháng chín, bộ trưởng Thuộc địa Moutet ra lệnh "cấm tổ chức ở Sài gòn một đại hội đông hàng nghìn người do có thể xảy ra những vụ rối loạn".

Một đợt bắt bớ mới. Thế là Ninh, Thâu và Tạo vào nhập với chúng tôi trong Khám Lớn. Các nhà lãnh đạo bị tống ngục, phong trào Đông Dương Đại hội bị mất đầu. Thống sứ Nam Kỳ Rivoal ra lệnh giải tán các uỷ ban hành động. Cũng trong những ngày ấy, chúng tôi đón tiếp đến với chúng tôi mười bảy anh em nông dân của uỷ ban hành động Bến Lức.



Cả các người phái Stalin lẫn các người Trotkit đều không tìm bắt liên lạc với Nguyễn An Ninh. Đối với họ, ông ta chỉ là một người quốc gia trong mọi người quốc gia khác, một con người lỗi thời tiêu biểu cho một khuynh hướng lạc hậu. Nhưng đối với tôi, việc ông ta xuất hiện trong nhà lao là một sự kiện quan trọng: có thể tôi sẽ được hiểu rõ hơn con người mà các

cuộc đấu tranh từ mười năm nay đã làm tôi say mê và được soi sáng chăng? Đối với tôi, ông ta là người đã chọn tên một bài thơ của Baudelaire, *La Cloche fêlée* (Cái chuông rè) để đặt tên cho tờ báo đấu tranh của ông ta, người đã gieo rắc sự coi thường chính quyền, người đã làm rung chuyển một góc trời Nam, gây ra kinh hoàng cho những kẻ sa đọa và nịnh hót như lưỡi tầm sét choang vào mặt họ vậy, như tôi đã say mê đọc thấy trong cuốn *Ngồi tù Khám Lớn* của Phan Văn Hùm.

Một hôm tôi trông thấy Ninh đứng một mình, lặng lẽ, áp vào hàng rào song sắt. Hình như ông đang đứng ngắm những ngọn cây me cao, trên đỉnh tường bao quanh và những đám mây xa xa. Nôn nóng một lòng tò mò ngây thơ, tôi bắt chuyện, hỏi đậm ông ta: "Anh Ninh, anh có thể cho tôi được biết cương lĩnh ruộng đất của anh không?"

Ông ta quay đầu lại, ngạc nhiên nhìn tôi vài giây chảng nói chảng rằng, rồi khẽ ngâm bài hát tiếng Pháp *Auprès de ma blonde*:

Trong vườn của cha tôi cây lila đang đơm hoa
Chim từ xứ bay về xây tổ ấm
Ở bên nàng, ta sung sướng, sung sướng biết bao
Ngủ bên nàng, ta ngủ ngon, ngủ ngon biết bao.

Bây giờ tôi không nhớ tôi đã rút lui khỏi cái khoảnh khắc vô duyên ấy như thế nào.

Vài hôm sau, có một-cái-gì-đó đơn giản rất người đã làm hai chúng tôi gần lại nhau, phá vỡ sự im lặng.

Có thể là Ninh đã để ý thấy tôi đọc cuốn *Le Temps du mépris* (Thời khinh bỉ) của Malraux tới tay tay tôi ở trong tù ngay khi nó mới được xuất bản. Không phải mọi người ai cũng đọc được tiếng Pháp.

"Tôi có quyền này, anh đọc đi!" – một hôm ông ta nói với tôi như vậy và chìa ra cho tôi cuốn *Voyage au bout de la nuit* của Louis-Ferdinand Céline, hai tập đóng gáy đã sờn, sách khổ vuông, bìa minh họa tranh khắc gỗ khá đẹp.

Tôi mừng lắm, lòng nhẹ hẳn, vậy là ông ta đã không để bụng chuyện tôi đã hỏi ông ta một cách khá vụng về buổi hôm nào. Tôi nhận cuốn sách đó như nhận một tiếng gọi đồng giao ngay khi đọc đoạn thơ tiêu đề cho cuốn sách ở trang nhất.

Đời ta là một cuộc viễn du
Trong đêm đen và giá lạnh
Chúng ta tìm đường đi
Trong bầu trời không le lói một ánh sao.

(Bài ca của những người Cận vệ Thụy Sĩ, 1793).

Đối với tôi đó là một sự phát hiện, cái ngôn ngữ Pháp thường ngày ấy để nói lên những điều chủ yếu nhất, nói lên hồn thơ của thế gian và tất cả những sự giả dối chết người của xã hội. Tôi như muốn nuốt chửng những lời lẽ nó làm cho tổ quốc và tôn giáo mất hết thiêng liêng.

Tôn giáo phe phái đã nhanh chóng thay cho tôn giáo của trời, một đám mây cũ kỹ đã bị cuộc Cải cách làm xẹp đi và từ lâu đã bị giáo hội đem đóng hộp.

Tiếng thét giận dữ sau đây đã nổ bung như một tiếng sét trong cái không khí buồn té của nhà tù :

Tôi xin báo cho các người biết, hối những con người bé nhỏ thảm hại, sâu bọ của đời, bị đánh dập, ức hiếp, suốt đời đổ mồ hôi sôi nước mắt, tôi xin báo cho các người biết rằng khi các ông lớn trên đời này bắt đầu đem lòng yêu mến các người thì có nghĩa là họ sắp đem các người ra làm bia đỡ đạn đó...

Trong những lời lẽ dữ dội và đầy minh mẫn về cuộc đời người thợ tôi tìm thấy ý nghĩa cuộc nổi loạn của tôi :

– Chú em ơi, ở đây cậu học hành nghiên cứu thì cũng chẳng được cái tích sự gì cả ! Cậu đến đây không phải là để suy nghĩ, mà là để làm những động tác người ta bảo cậu làm... Trong nhà máy của chúng tôi, chúng tôi không cần những đầu óc. Cái chúng tôi cần là những con bú dù... Một lời khuyên này nữa. Đừng có bao giờ nói với chúng tôi về sự thông minh của các cậu ! Người ta sẽ nghĩ thay cho các cậu, anh bạn ạ ! Hãy yên chí một bồ như vậy...

Với máu thịt nóng hổi của mình, bản thân con người biến thành cái máy trong cái tiếng ôn diên đại này.

Và trong cái bình yên quái gở của nhà tù, tôi tiếp tục cuộc Viễn du vào xứ sở mộng mơ :

Hãy nhắm đôi mắt xinh đẹp của em lại, em ơi

Vì ngày giờ rất ngắn ngủi

Tại cái xứ sở tuyệt vời này, xứ sở mộng mơ

Đó là lần duy nhất và lần cuối cùng tôi được gặp Nguyễn An Ninh. Năm 1937 ông ta lại trở lại nhà tù hai năm, rồi bị cưỡng bức cư trú ở Mỹ Tho vào năm 1939. Cuối cùng, bị đày

ra Côn Đảo năm 1940, ông bỏ mạng ở đó ngày 15 tháng tám 1943 vào lúc 43 tuổi.

Tôi gặp Tạ Thu Thâu lần đầu vào năm 1933, vào dịp diễn ra các cuộc mítinh bầu cử hội đồng thành phố Sài Gòn. Tôi đã say mê dự các buổi anh ta nói chuyện về phép biện chứng tại trụ sở Hội khuyến học, cùng với anh em viên chức, thợ thuyền và học sinh.

Tôi rất sung sướng được gặp anh, mặc dù biết rằng anh coi việc chúng tôi lập ra cái Chánh đoàn bí mật của chúng tôi vào năm 1935 vào dịp ký hiệp ước Laval-Stalin, là trò trẻ con. Đó là một con người có nét mặt cởi mở, đầy một nghị lực an nhiên. Anh không để bị bận tâm vì cảnh tù tội. Anh nói: "Sắp đặt an bài, ở bao lâu cũng được". Mới gặp lần đầu, chúng tôi đã thân mật được với nhau ngay. Anh giúp tôi thảo bằng tiếng Pháp, với một giọng kiên quyết không có tí gì là xin xỏ, gửi lên tòa đòi – gọi là cho có đòi – trả lại cho tôi những quyển sách Sở Mật thám đã lấy của tôi, những cuốn sách là "tàn bộ tài sản của tôi". Anh giảng giải cho tôi hiểu một vài khái niệm kinh tế.

Một buổi sáng nọ, một cuộc tranh luận về Mặt trận Bình dân đã thu hút mọi người vào một góc của sân đi dạo. Như một con khỉ nhại lại giọng của công tố uỷ viên Vychinsky tại vụ xử án ở Mătxcơva, người phái Stalin Trần Văn Giàu gọi người Trotskit Lư Sanh Hạnh là "chó dại". Tạ Thu Thâu cố xoa dịu tình hình. Đám theo Stalin đồng ý nghe chúng tôi phát biểu, và anh em chúng tôi cứ tôi nói thay cho cả nhóm. Bằng cách nào thì tôi cũng phải cổ gắng giải thích rõ việc đảng cộng sản Pháp liên minh với các đảng cấp tiến và xã hội, với lý do để chặn đứng chủ nghĩa phát xít, đã bẻ gãy đà cách mạng của giai cấp công nhân sau cái phong trào vĩ đại bấy công rộng khắp và

chiếm đóng các nhà máy. Đối với chúng tôi, chính là Mặt trận Bình dân đã trải thảm cho chủ nghĩa phát xít khi nó ngăn cản cuộc tổng động viên cách mạng là biện pháp duy nhất có thể giải quyết được vấn đề. Và ở Đông Dương, cũng như ở tất cả các thuộc địa, chính phủ Mặt trận Bình dân chẳng phải là vẫn thi hành chính sách truyền thống đàn áp thuộc địa hay sao? Chúng ta đây chẳng phải là những bằng chứng sống hay sao?

Một số người trong phe họ có vẻ như tán thành tôi, nhưng lãnh tụ Trần Văn Giàu của họ vẫn bảo vệ Mặt trận Bình dân, nào là nói "do hoàn cảnh", nào là "phải thực tế"...

Cuối tháng mười 1936, Tạ Thu Thâu, Nguyễn Văn Tạo và Nguyễn An Ninh phải rời chúng tôi, đưa đi nhà thương Chợ Quán sau một vụ tuyệt thực. Đến tận bây giờ, tôi còn mường tượng thấy cả ba người nằm sóng sượt bên nhau trên cái chiếu rải dưới sàn xi măng trong bóng tối tờ mờ của san nhỏ số 7, và Tạ Thu Thâu quát bảo viên đốc-tù Pháp đi cùng Agostini, tên cai sếp: "Các ông cút đi!"

Đôi lúc, bị giam hãm giữa bốn bức tường, tưởng tượng đến tình hình đang sôi sục bên ngoài, chúng tôi như những con chó sói bị nhốt trong cũi. Giá một lít gạo từ 40 xu tăng lên đến 70 xu. Chúng tôi phấn khởi được tin bãi công nổ ra rộng khắp từ bắc đến nam. Trên các đồng ruộng, thợ cấy đình công đòi tăng lương. Culi các công trường dành cho người thất nghiệp ở Bạc Liêu bỏ việc để phản đối những hành động đối xử thô bạo. Trong các đồn điền Michelin ở Dầu Tiếng, Quảng Lợi, Bình Phước, phu cao su bãi công phản đối lương thấp, những hành vi tàn bạo của bọn cai, việc tống giam người vào những nhà giam riêng của đồn điền, việc đánh đập đến chết những người bỏ trốn. Tại đồn điền cao su Bến Củi đã nổ ra một cuộc bãi

công, một cuộc bùng nổ giận dữ thực sự gây nên bởi tin một người bỏ trốn đã bị đánh đập đến chết. Trong tháng mười một và mười hai 1936, anh em thợ mộc, thợ các nhà máy gạch, nhà máy đường, nhà máy xà phòng bắt đầu rục rịch.

Trong tháng mười một 1936, ở miền Bắc, tại cái địa ngục than Hòn Gai-Cẩm Phả, đến lượt hơn hai vạn thợ mỏ đình công đòi chấm dứt "nhục hình, đánh đập bằng roi mây, roi gân bò, đấm đá" và đòi tăng lương. Cũng xảy ra như vậy ở nhà máy xi măng Hải Phòng. Người nhà vào thăm say sưa kể cho chúng tôi nghe chuyện ngay ở Sài Gòn đây thôi, toàn thể 1 200 công nhân và phu phen Xưởng tàu cũng đình công. Họ được bà con nông dân các làng lân cận giúp đỡ tiếp tế lương thực thực phẩm. Hơn một nghìn thợ hỏa xa, thợ máy, thợ đốt lò, trưởng tàu và culi các xưởng hỏa xa Sài Gòn và Dĩ An cũng đình công theo, trong khi đình công lan ra cả trong giới lái xe điện và xe buýt. Phía bắc Sài Gòn, 400 phu và thợ các nhà máy cưa Biên Hòa, một tỉnh vừa công nghiệp vừa lâm nghiệp, đã bãi công và *chiếm xưởng máy!* Chúng tôi nức lòng trước chuyện *chưa từng thấy ấy*, nó chúng ta phong trào có chiều sâu như thế nào.

Chính phủ Mặt trận Bình dân Blum-Moutet, qua một điều khoản của luật lao động, giả nhân giả nghĩa đổi cách gọi "lao động công ích bắt buộc" không được trả lương ở Đông Dương, thành việc "đi xâu". Luật lao động không chấp nhận cả quyền lập nghiệp đoàn lắn việc cử các đại biểu thợ thuyền. Việc tham gia nghiệp đoàn bị cấm và vẫn như xưa, có thể bị lên án là tham gia hội kín.

Đúng ngày viên toàn quyền mới Jules Brévié, do Mặt trận Bình dân cử sang, tới Đông Dương hôm 11 tháng giêng 1937, chúng tôi bắt đầu một cuộc tuyệt thực để đòi cải thiện

bữa ăn, đòi có báo đọc, đòi chấm dứt những đối xử tàn tệ tại bệnh xá nhà tù và tại nhà thương Chợ Quán. Nhưng đối với chúng tôi, đó trước hết là chuyện hưởng ứng phong trào bên ngoài tường.

Báo *La Lutte* ngày 17 tháng giêng 1937 đưa tin hôm ấy viên thống sứ Nam Kỳ đã cho thực hiện những biện pháp phòng ngừa, dồn hàng trăm công nhân vào trong Vườn Bách thảo và chặn ngay ở ngoại ô Sài Gòn những đợt sóng nông dân đổ về để biểu tình ở Gia Định, Hóc Môn, Thủ Dầu Một, Bà Điểm, Bà Quẹo, Bà Hom hoặc Chợ Lớn. Đâu đâu cũng có hàng rào cảnh sát. Xe điện tới ga là phải quay đầu lại. Các xe buýt bị khám xét. Mặc dù như vậy, một vạn người biểu tình giờ cao nhũng tấm bänderon – **ĐẠI ÂN XÁ! TỰ DO DÂN CHỦ VÀ NGHIỆP ĐOÀN! CỨU GIÚP NGƯỜI THẤT NGHIỆP!** – đã tới được bến cảng vào lúc giữa chiều. Khi con tàu *Aramis* chở viên toàn quyền xuất hiện ở cảng, bọn cảnh sát và binh lính vung tay đánh túi bụi vào đám đông tàn bạo chưa từng thấy, xua họ lùi trở lại những phố lân cận. Bọn mật thám giải những người bị bắt về Sở Mật thám ở phố Catinat để tra tấn.

Triều đại mới của quan thái thú Mặt trận Bình dân đã mở đầu như vậy đấy. Mươi hôm sau, ông ta đã triệu tập bốn anh em trong nhóm La Lutte, tuyên bố với họ những lời hứa cải cách mù mờ... trong khi các cuộc bãi công cứ lan ra khắp đất nước.

Vô sản ba mươi lăm nhà máy xay thóc Chợ Lớn chào mừng ông ta bằng một cuộc đình công đòi tăng lương và thực thi những luật xã hội. Bọn chủ đã phải nhượng bộ sau mươi ngày các nhà máy bị hoành toàn tê liệt. Dấu đặc trưng của thời đại: phu phen người Tàu cũng cùng phối hợp hành động với phu An nam. Đình công ở cả các nhà máy rượu Bình Tây. Ở nông thôn, nông dân bất mãn đập phá các máy đập thóc.

Gần một tuần sau, chúng tôi ngừng tuyệt thực trong Khám Lớn.

Đầu tháng hai, chúng tôi chuẩn bị Tết năm Sửu tới cùng mùa ra lá của những cây me quanh nhà lao. Thực phẩm, bánh chưng Tết và thuốc lá gia đình tiếp tế ê hề vào dịp cuối năm được đem ra dùng chung.

Cũng như bà con nông dân trang hoàng nhà cửa vào dịp Tết bằng những câu đối chúc Tết viết chữ nho trên giấy hồng điêu, "thày ký" Vi cũng viết và treo lên hai câu đối chữ nho : "Cộng đồng kiến trúc vô cầu ngoại" và "Sản xuất toàn tri hưu nghiệp trung" (Cùng chung sức, chúng ta có thể xây dựng không cần đến bên ngoài; Biết làm ăn, chúng ta có thể sản xuất ra tất cả). Hai chữ đầu của hai vế đối là Cộng và Sản, ghép lại thành Cộng sản.

Ngày đầu năm, chúng tôi tổ chức một cuộc cờ tướng, quân và bàn cờ làm bằng ruột bánh và giấy bìa. Ván cờ chơi ở ngoài sân giữa hai đội. Bên phía chúng tôi là anh bạn Đơn và tôi, bên kia là hai anh em nông dân Bến Tre. Chiến thuật của chúng tôi là đứng ngoài cứ bàn rối lên đánh lừa đối thủ. Bên kia họ cũng là loạn lên như vậy. Rồi làm theo lời dạy của binh pháp Tôn Tử, chúng tôi "tấn công quân địch ở nơi chúng không nghĩ đến, một cách bất ngờ, khi chúng không đề phòng".



Hết Tết. Tới tai nhóm chúng tôi cái tin khủng khiếp về một vụ xử mới những người "bôn sê vich lão thành" ở Mátxcơva ngày 23 tháng giêng 1937. Một vụ án chống lại "Trung tâm Trotskit chống chế độ xô viết" kết hợp với một "âm mưu phá hoại" của những người lãnh đạo cao cấp của ngành vận tải và

ngành công nghiệp than. Cũng vẫn lại cái trò "hoàn toàn thú nhận": Piatakov nêu ra tỉ mỉ những quan hệ của họ với Trôtski và của Trôtski với bọn phát xít Đức; về cuối phiên toà, Radek thốt lên: "Nếu tấm gương của chúng tôi không dạy cho họ được điều gì thì những người Trotskit ở Pháp, ở Tây-Ban-Nha và các nước khác sẽ phải trả giá đắt!". Tấn thảm kịch kết thúc vào lúc mờ sáng ngày mồng 1 tháng hai 1937 bằng mười ba vụ hành quyết.

Hơn lúc nào hết, chúng tôi thấy mặt trận Trotskit-Staliniêng là một điều thực sự phi lý. Các người Trotskit Nga bị coi như những con rắn độc ở Mátxcơva, bị tù đày, bắn giết: các người Trotskit Đông Dương còn thoát được trong bao lâu nữa sự lén ám của Stalin và những người theo ông ta ở đây?

Trong khi Tạ Thu Thâu và nhóm của ông ta kiên trì đùorng lối thống nhất đã khập khiễng như vậy trong nội bộ tờ *La Lutte*, thì đến tháng ba 1937, chúng tôi được tin rằng trước thái độ đành lòng im lặng của họ, anh bạn chiến đấu Hồ Hữu Tường của chúng tôi tung ra lại tờ *Le Militant*, "cơ quan chiến đấu macxit bảo vệ vô sản", đăng trên đó bản "Di chúc của Lênin" cảnh báo về tính thô bạo và không trung thực của Stalin.

Chúng tôi được ấm lòng đôi chút khi vào một ngày tháng 5 năm 1937, Tạ Thu Thâu đến báo cho chúng tôi tin Xưởng đóng tàu đinh công. Phải nói rõ ràng anh cùng với Nguyễn Văn Tạo đã lại có mặt cùng với chúng tôi ở trong tù! Mặc dầu tháng trước, cả hai người đã được bầu lại vào Hội đồng thành phố Sài Gòn, viên thống đốc Pagès đã không ngần ngại tống giam họ trước làn sóng đấu tranh mới của công nhân được khích lệ bởi cuộc đinh công ở Xưởng tàu binh. Anh em đinh công đã giữ vững được sáu tuần lễ, được sự ủng hộ của công nhân một số xí nghiệp khác và vẫn được nông dân các làng lân cận tiếp

tế như thường lệ. Họ đã buộc được chủ gọi lại vào làm việc những anh em bị đuổi việc và hứa tăng lương. Các culi Công ty dầu lửa Pháp. Á Nhà Bè đình công phản đối việc sa thải một người của họ. Một nghìn phu đồn điền cao su Michelin Dầu Tiếng cũng nổi lên. Tại vùng nông thôn, nông dân Cần Đước và Bà Điểm biểu tình chống lại chính sách mới kiểm soát việc trồng thuốc lá.

Một sáng chủ nhật nọ, tôi rất xúc động thấy xuất hiện Anh Già, ông bạn cũ bắt vô âm tín từ năm 1932. Năm 1933, anh đã bị kết án một năm tù và bị đưa đi lao động khổ sai ở mỏ đá Châu Đức. Tại đó, anh đã vận động các tù thường phạm bãi công và tuyệt thực.

Anh kể cho tôi biết rằng anh bị bắt trong một cuộc họp bí mật quan trọng do anh em Trotskit tổ chức buổi tối 29 tháng năm 1937. Lần đầu tiên đã hội họp lại đại biểu công nhân của khoảng bốn chục xí nghiệp và công xưởng ở Sài Gòn-Chợ Lớn (Xưởng tàu binh, các công xưởng Pháo binh, Xe lửa, Xe điện, Xưởng đúc, các xưởng và công xưởng FACI, xưởng Bưu điện, xưởng Đông – Á, nhà máy Cao su, nhà máy Điện và Nước, các nhà in Portail, Ardin, Union, ba Xưởng sửa chữa ô tô lớn của thành phố, nhà máy rượu Đông Dương, phu khuân vác các nhà máy xay gạo Hiệp Xương, Đức Hiệp, Hàng Thái, Extrême-Orient ở Chợ Lớn...) để thành lập Liên đoàn thợ thuyền. Cùng khoảng sáu chục người có mặt, Anh Già bị bọn mật thám xông vào bắt giữa lúc đang họp.

Bị tống giam cùng với Anh Già có Tạ Khắc Triêm và Nguyễn Văn Kim, những người hoạt động tích cực trong các cuộc đình công của Xưởng đóng tàu, Võ Bửu Bính và Nguyễn Kim Lượng, mà ngôi nhà ở bắc ngoại ô Sài Gòn được sử dụng

làm địa điểm họp; Võ Thị Vân (cô bạn đời của Lư Sanh Hạnh) cũng bị bắt.

Những người Trotskit đã khẳng định hơn lúc nào hết sự có mặt của mình trong phong trào công nhân. Sở Mật thám lấy đó làm lo ngại: "anh hưởng của bọn khuấy động cách mạng theo Đệ Tứ Quốc tế đã tăng lên ở Nam Kỳ, nhất là trong giới thợ thuyền Sài Gòn-Chợ Lớn... Thợ thuyền ngả về đảng Trotskit hơn là đảng cộng sản Đông Dương". Những người phái Stalin thì không muốn gây trở ngại cho đường lối của Mặt trận Bình dân với việc thành lập các công đoàn, và trong chuyện này họ chỉ chủ trương lập các hội ái hữu.



Tôi rời Khám Lớn vào một buổi sáng tháng sáu tràn trề ánh nắng, trong lòng lẫn lộn một niềm vui kỳ lạ với một nỗi buồn khi nghĩ đến các bạn. Một người lính gác dẫn tôi đến Sở Mật thám, ở đó một viên cẩm mật thám hỏi tôi rồi đây sẽ định làm gì và đe tôi: "Có thân thì liệu đấy, chúng tôi sẽ theo dõi anh!"

Tôi về thăm quê mẹ. Gặp lại con mòng mòng tui tui, mẹ tôi sắm lễ lên vái tạ ông thành hoàng làng. Trong cơn bĩ cực bà thấy không thể trông mong gì được ở thế giới con người và đã nhiều lần bà phải đi cầu thần thánh. Sau đó tôi đến nhà chị Năm của tôi sống ở vùng ven Sài Gòn. Chồng chị, mắc bệnh hen, làm nghề thợ nề. Anh chị vất vả ăn bữa sáng lo bữa tối, nhưng bao giờ cũng đón tiếp tôi niềm nở.

Tại một xóm nghèo Chợ Lớn, tôi gặp Hồ Hữu Tường ở nhà anh, cùng ngồi với một ông bạn nom nhũn nhặn kín đáo. Tường

giới thiệu tôi với ông ta: "Một anh em bí mật", chỉ nói thế thôi và cũng chẳng nói rõ danh tính của "người kia". Ba chúng tôi chia nhau một con chim bồ câu gầy rắn ăn với cơm. Thế là lần đầu tiên, ra tù, tôi đã được gặp Phan Văn Hùm, tác giả của cuốn *Ngôi tù Khám Lớn* đã từng tác động mạnh đến tôi. Và đó cũng là lần cuối cùng.

TỪ NHÀ TÙ NÀY SANG NHÀ TÙ KHÁC

Ngày 19 tháng năm 1937, Gitton, trong phân ban thuộc địa của đảng Cộng sản Pháp, gửi thư cho những người phái Stalin trong nhóm La Lutte nói : "Theo những chỉ thị mà chúng tôi đã nhận được để truyền đạt lại cho các đồng chí, chúng tôi coi việc tiếp tục hợp tác giữa Đảng và những người Trotskit là không thể chấp nhận được. Chúng tôi đã nhận được một lá thư của một đồng chí nói về tình hình Đông Dương và về sự hợp tác với Trotskit. Chúng tôi sẽ chuyển lá thư đó về Nhà (tức là Mátxcơva – tác giả chú thích) kèm theo ý kiến riêng của chúng tôi".

Tức cười là bức thư mật ấy do một thủy thủ Pháp mang đến cho báo *La Lutte*, người này đã phát âm sai tên người nhận, Tạo – phái Stalin – thành thử lá thư đã rơi vào tay người Trotskit Thâu.

Cuối tháng năm, những người phái Stalin rời bỏ nhóm La Lutte và hấp tấp tung ra tờ *L'Avant-garde* trong đó, như một tiếng vang ngoan ngoãn của Mátxcơva và của đảng Cộng sản Pháp, họ viết : "Mặt trận Bình dân không phải là một hình thức hợp tác giai cấp giữa vô sản và tư sản như bọn Trotskit, đứa anh em sinh đôi của chủ nghĩa phát xít, đã khẳng định một cách đối trá. Trong bài diễn văn đọc tại hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương đảng Cộng sản Liên Xô, đồng chí Stalin

đã nhận xét rằng chủ nghĩa Trotskit đã thôi không còn là một trào lưu chính trị của giai cấp công nhân như cách đây bảy năm. Chủ nghĩa Trotskit hiện nay là đồng minh, là tay sai của chủ nghĩa phát xít”.

Sự đoạn tuyệt thô bạo ấy giữa những người Trotskit và phái Stalin trong nhóm La Lutte đã gây hoang mang vô cùng cho những người cảm tình không hiểu gì cả hoặc hiểu rất lơ mơ về sự khác nhau giữa Đệ Tam và Đệ Tứ Quốc tế.

Vào lúc tôi ra tù hồi tháng sáu 1937, tờ báo *Le Militant* của chúng tôi có đăng một bản tổng kết mười hai tháng cầm quyền của chính phủ Blum. Bản tổng kết nêu: ngân sách chiến tranh 30 tỷ, chính sách không can thiệp vào vụ Tây-Ban-Nha, tịch thu các tờ báo cách mạng, giải tán tổ chức Étoile ở Bắc Phi, đàn áp bãi công ở Đông Dương, và nhắc đến vụ tháng ba, cảnh sát của Dormoy (bộ trưởng đảng viên Xã hội) đã bắn vào công nhân biểu tình ở Clichy, làm 5 người chết và hơn 150 người bị thương, và ở Bắc Phi, cảnh binh cơ động đã bắn chết 25 người đình công, còn bắn bị thương thì hàng trăm.

Ở Sài Gòn, người ta tranh nhau đọc cuốn *Retour de l'URSS* (Đi Liên Xô về) của André Gide. Nhà thơ Bích Khê thậm chí còn cấp tốc dịch cuốn sách sang chữ quốc ngữ. Cuốn sách đó, trong khi làm cho tôi phát hiện ra Gide, đã khẳng định với tôi những gì mà các vụ án Mátxcova hé mở ra với tôi, và làm cho tôi càng ý thức được rõ ràng tính chất bùng nổ không thể tránh khỏi của các quan hệ giữa chúng tôi với những người phái Stalin, bất chấp tình bạn tù của chúng tôi với một số người trong đám họ. Gide viết: "Chủ nghĩa Trôtski, cái mà giờ đây ở đó (ở Liên Xô) người ta gọi là *tinh thần phản cách mạng*. Giờ đây, cái mà người ta đòi hỏi là tinh thần phục tùng,

là thái độ xu thời. Sẽ bị coi là Trotskit tất cả những ai tỏ ra không hài lòng".

Tôi đi kiểm việc làm và được nhận vào làm công việc sửa bài ở báo *Le Flambeau d'Annam*, một tờ báo tiếng Pháp mà ông Nguyễn Văn Sâm, một con người đấu tranh không mệt mỏi theo chủ nghĩa lập hiến, mới tung ra sau khi tờ *Đuốc Nhà Nam* (cùng là tờ báo ấy nhưng bằng tiếng Việt) của ông ta bị đình bản. Anh Già, kiểm cơm bằng nghề kẻ biển, cho tôi ở nhờ nhà anh tại phố Lacotte ở Sài Gòn. Tại Nhà máy Cao su, cảnh sát vừa mới bắt giữ bốn người thợ, đoàn viên công đoàn bí mật, để ngăn chặn một cuộc bãi công phối hợp với công nhân đường sắt. Tôi thử viết cho báo *Le Flambeau d'Annam* một bài ngắn nói về sự kiện ấy. Ông chủ báo thản nhiên trả lại tôi bài báo đó với lời bình: "Anh muốn người ta đóng cửa tòa báo hay sao mà viết bằng cái giọng ấy?"

Trong mục điểm báo của tờ *Le Flambeau*, tôi lảng lặng đưa vào những đoạn trích báo chí Pháp tố cáo trò hề xét xử trong các vụ án Mátxcova. Những người phái Stalin liền gửi tới tòa báo hàng tập những bản sao lục tường thuật biên bản của các vụ án ấy. Những tập giấy ấy tất nhiên tôi cho vào sọt rác.

Tôi khẩn trương viết một tập sách nhỏ bằng tiếng Việt, *Vụ án Moscou*, kịch liệt tố cáo những vụ giết người của chế độ Stalin gần hai mươi năm sau Cách mạng tháng Mười...

Anh Già vẽ bìa. Chúng tôi xuất bản cuốn sách dưới tên *Vụ án Moscou* do Nhà xuất bản Chống trào lưu. Vừa ra mắt đã bị cấm, cuốn sách vừa kịp thoát khỏi bị tịch thu và được tán phát truyền tay nhau. Sau này, Sở Mật thám có thu hồi được một số trong những cuộc khám xét ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Tôi và Anh Già đã cho ra một số cuốn khác cũng loại như vậy, cũng bằng tiếng Việt, viết về chế độ công đoàn và các ủy ban hành động.

Nhà xuất-bản «CHỐNG TRAO-LƯU»

Những sách-sắp xuất-bản :

1. — LIÊN-BÌNG SƠ VIẾT 1937.
2. — QUỐC TRANH-BIỆN GIỮA TÀ-TIU-THẦU
VÀ NGUYỄN-AN - NINH VĨ MẶT - TRẦN
BÌNH - DÂN.
3. — SỰ THAY BỔI CỦA ĐỀ-TAM QUỐC-TẾ.
4. — TROTSKY.
5. — TỬ LÈNIN ĐẾN STALINE.
6. — LỊCH-SỬ ĐỀ-TÙ QUỐC-TẾ.

Hàng độc :

TIỀN TÓI CỘNG-HỘI	0 \$ 08
CÁC LÀM VIỆC CỦA MỘT ỦY-BAN	
HÀNH-DỘNG.	0 \$ 10

Thor và Mandat đều cho :
Ngô-viễn-Xuyết
108, Rue Lavoisier
SAIGON

VỤ ÁN MOSCOW

— NHÀ XUẤT BẢN —
CHỐNG TRAO-LƯU
— 1987 —

Gía : 0 \$ 20

Bìa quyển Vụ án Moscou

In lại nhà in Bảo-lồn, 175 Bùi de la Somme — SAIGON

Nhưng vào tháng bảy 1937, xảy ra ở Sài Gòn chuyện khoảng một trăm công nhân cảng biểu tình trên đường phố Catinat, giơ cao nắm đấm, đi đến Sở Thanh tra lao động phản đối sa thải. Một trăm năm mươi công nhân Công ty hàng hải Sài Gòn đình công phản ứng việc ba anh em bị đuổi việc. Sáu mươi công nhân hãng Stacindo biểu tình trước đồn cảnh sát quận 3 đòi thả những anh em mình bị bắt. Và nhìn chung, các cuộc đình công diễn ra hầu như rộng khắp.

Tôi định giúp một tay theo khả năng của mình cho các chị em hãng Guyonnet đình công. Đại biểu của các chị em nhờ tôi giúp họ soạn thảo bản yêu sách của họ bằng tiếng Pháp.

Sở Mật thám – được viên thống sứ Nam Kỳ Pagès cho tự do tiến hành "mọi cuộc khám xét và bắt bớ mà mình thấy cần" – đã vào khám xét trụ sở nhóm La Lutte, giờ đây hoàn toàn ở trong tay những người Trotskit từ ngày các người phái Stalin rút khỏi nhóm. Bọn cớm vào khám xét trụ sở ủy ban hành động công đoàn do anh Trần Văn Thạch tổ chức ở số nhà 133, phố Lagrandière. Chính ở đó, tối thứ ba 22 tháng sáu 1937, 45 đại biểu các xí nghiệp đang khai họp bí mật. Mật thám cũng xông vào nhà những người trong nhóm L'Avant-garde. Tất cả, Trotskit cũng như phái Stalin, sẽ phải ra tòa và sẽ ấm gọn những án tù vì tham gia hội kín.

Khủng bố đã không ngăn cản công nhân đường sắt phát động cuộc tổng bãi công trên tuyến bắc của đường sắt ở miền nam đất nước. Lần đầu tiên tuyến xe lửa Xuyên Đông Dương nối liền Sài Gòn và Hà Nội bị hoàn toàn tê liệt từ ngày mồng 10 tháng bảy đến ngày mồng 9 tháng tám 1937. Anh em đình công đã giành được kết quả tăng lương 15%, hủy bỏ chế độ phạt vì để tàu xe dụng cụ bị hư hại, nhưng họ buộc phải chấp

nhận việc mấy trăm người bị sa thải. Viên toàn quyền Brévié từ chối, không thừa nhận việc cử đại biểu cũng như không ban bố tự do nghiệp đoàn. Công nhân người Tầu ở ga Sài Gòn ủng hộ các người đình công cũng bị sa thải. Cuộc đấu tranh ấy đánh dấu điểm tột cùng của phong trào đình công những năm 1936-1937.

Tháng tám 1937, vào dịp toàn quyền Brévié tới Cần Giuộc, khoảng một nghìn nông dân đã đưa đơn yêu cầu bỏ thuế thân và đòi các quyền tự do dân chủ. Brévié đã cho tổng giam các đại biểu của họ, như ông ta đã làm khi đến Rạch Giá. Tối ngày 23 tháng tám 1937, từ Khám Lớn tiếng vang lên kinh khủng làm náo động cả phố xá. Tüm nhân nổi lên phản đối việc tổng vào xà lim kèm kẹp một tù nhân trẻ tuổi. Họ la hét: "Đả đảo khủng bố đàn áp ! Trả tự do cho anh em nông dân Cần Giuộc !" Gậy gộc và vòi rồng phun nước đã buộc họ trở lại im lặng.

Cũng trong tháng tám, 500 công nhân của các xưởng và công trường thành phố đình công chống sa thải và đã đạt được kết quả. Trong tháng mười và tháng mười một, 300 phu hăng Texaco và hăng Socony ở Nhà Bè ngừng việc. Công nhân bỏ không ra cảng. Anh em lái xe thổ mộ Trảng Bàng (Tây Ninh) bãi công phản đối những hà hiếp của chính quyền.



Trời còn tờ mờ sáng thì tiếng đập vỡ tung cửa và tiếng quát tháo làm tôi giật mình tỉnh dậy. Bọn cớm ùa vào trong căn nhà lá. Một tên mặc thám Pháp túm lấy tay tôi, lôi ra khỏi giường ; thân xác tôi run lẩy bẩy, đầu óc thì còn như trong sương.

Tên cớm hỏi tôi :

– Ốm à ?

Tôi đáp :

– Không.

Trong khi đó, những tên cảnh sát khác còng tay hai vợ chồng Anh Già và hai anh bạn trẻ khác. Chúng lục tung gian nhà, tịch thu những tập sách cấm của chúng tôi rồi lôi chúng tôi ra xe bịt bùng, đưa đến Sở Mật thám ở phố Catinat.

Bị đưa vào tập trung trong sân, chúng tôi thấy đã có hơn một chục anh em cùng với người nhà của họ cũng bị bối ráp trong đêm. Trong số đó, tôi nhận ra Võ Bửu Bính, Tạ Khắc Triêm, nhưng cũng có cả Đoàn Văn Trương và anh chàng Nguyễn Văn Soi. Tại nhà Soi, bọn cớm tìm thấy dụng cụ in thạch và những tờ truyền đơn kêu gọi của Liên hiệp thợ thuyền Sài Gòn-Chợ Lớn, cùng bản danh sách số tiền quyên góp được, khoảng 1000 đồng, tại các xí nghiệp khác nhau và Xưởng đóng tàu, cất giấu trong vách nhà. Một tài liệu của Sở Mật thám, vốn vẫn e ngại ảnh hưởng Trotzkit trong giới thợ thuyền, có nhắc đến những "cuộc vây ráp ngày mồng 2 tháng chín 1937 ở Sài Gòn chống lại bọn Đệ tứ Quốc tế Nam Kỳ".

Chúng tôi bị đưa vào Khám Lớn và qua đêm với khoảng chục người không quen biết tại phòng giam tử tù. Mấy lỗ nhỏ cao cao trên tấm cửa sắt là cửa thông hơi duy nhất.

Hôm sau, tôi bị giam riêng vào một khám tối. Khi tôi bị gọi ra để đưa đi gặp dự thẩm, tên giữ ngục người Pháp gắt gỏng bảo tôi : "Thay quần áo tù !"

Với một cảm giác quen thuộc, tôi xỏ vào người bộ quần áo tù màu xanh bao giờ cũng chật và ngắn ngủn. Tôi không cầm được cười thầm trong bụng khi trông thấy Anh Già, cũng trong

bộ quần áo lố bịch như tôi, bị túm chặt và lôi đi bởi tên gác dẫn chúng tôi qua phố Lagrandière sang tòa án.

Sau một đêm nầm khám tối, tôi trở lại phòng giam chính trị phạm. Tôi rất xúc động gặp lại những anh em bạn bè chia tay nhau hồi tháng sáu. Tôi làm quen thêm với bốn anh thợ Nhà máy cao su Dương Văn Tư, Nguyễn Văn Tiên, Nguyễn Văn Mẫn và Nguyễn Văn Nho.

Tôi đã sống với họ khoảng một tháng. Một buổi sáng, viên cai ngục vào gọi tôi và Anh Già đi. Chúng tôi chỉ còn vừa đủ thời gian để nói lời chia tay với các bạn.

Các bạn tôi mới gặp trong tù ấy bị kết án nặng nề trong vụ xử ngày 18 tháng mười một 1937; Lê Văn Oánh bị hai năm tù và mười năm biệt xứ; Dương Văn Tư, Nguyễn Văn Tiên, Nguyễn Văn Mẫn, Đoàn Văn Trương và Tạ Khắc Triêm bị một năm tù và năm năm biệt xứ; Nguyễn Văn Nho, Nguyễn Văn Trọng, Dương Văn Tương và Nguyễn Văn Soi bị sáu tháng tù. Tất cả đám họ đã một lòng một dạ tham gia vào các cuộc bãi công và phong trào công đoàn bí mật năm 1937. Lê Văn Oánh và Tạ Khắc Triêm, những người hoạt động rất tích cực trong vụ đình công của công nhân đường sắt Xuyên Đông Dương, đã lập ra những tiểu tổ đồng chí ở Quảng Ngãi, ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ.

Ra khỏi Khám Lớn, tôi được chị Sáu, bạn đời của Võ Bửu Bính, làm nghề bán giá đậu xanh ở một sạp hàng trong chợ Bến Thành, đón tiếp niềm nở. Căn nhà nhỏ bé của chị nhiều khi đã là chỗ nương náo cho những anh em gặp lúc khó khăn.

Mối bận tâm trước mắt duy nhất của tôi là kiếm được bát cơm. Tôi đi loanh quanh trong thành phố tìm việc.

Cuối cùng, công ty Comptoirs généraux d'Indochine, một công ty kim khí, đề nghị với tôi một chân ở một chi nhánh của

họ tại Phnom Penh, Cao Miên. Tôi băn khoăn trong lòng vì phải chia tay với anh em vừa mới được gặp trở lại sau khi ra tù, nhưng tôi cũng lại thoái mái trong lòng khi nghĩ đến chuyện từ nay không phải sống bám vào họ nữa. Vả lại, tôi cũng thích thú vì mình ra đi sẽ thoát được khỏi sự theo dõi của cảnh sát. Tôi thật là ngây thơ vì vừa chân ướt chân ráo tới thủ đô Khơ me cuối năm 1937, tôi đã được chủ nhà của tôi, một người An nam có xe kéo cho thuê, thảng thắn báo cho tôi biết Sở Mật thám đang để mắt đến tôi. Rồi một buổi sáng, viên chủ người Pháp cảnh báo tôi : "Hắn ông biết là ông bị theo dõi. Tôi sẽ giúp ông sống được ở đây, nhưng ông chớ có làm chính trị, ông sẽ bị trực xuất khỏi Cao Miên đấy."

Tôi lấy làm ngạc nhiên trước thái độ ít thấy ấy ở những người Tây thực dân : sau này tôi được biết ông ta là một đảng viên xã hội cấp tiến và lấy vợ Lào.

Năm 1938, tôi làm quen được với người thợ sửa máy chữ Từ Văn Hợn và một vài độc giả khác của báo *Tranh đấu* (La Lutte) và của tạp chí *Tháng Mười* (Octobre) : Diệt, làm ở Sở quan thuế, cô Hương và Bình, cả hai đều là nhân viên của Descours et Cabaud ở Phnom Pênh, và cuối cùng là một nhà báo, tất cả đều là cảm tình viên của xu hướng Đệ Tứ Quốc tế ở Nam Kỳ.

Nhóm chúng tôi mặc dầu đã cố gắng lăm nhung không thể bắt quan hệ được với các người bản xứ, trước hết vì ngôn ngữ bất đồng, thứ nữa là vì lòng nghi kị từ trong xương tủy của họ bắt nguồn từ cuộc nam tiến của người Việt hồi thế kỷ XVII, khi họ xâm chiếm đất đai Khơme ở Nam Kỳ và thiết lập nền thống trị của mình lên toàn bộ vương quốc. "Cap-youn" (chặt đầu bọn An nam), cái khẩu hiệu trả thù ấy, còn tươi rói trong các tâm khảm, gợi nhớ đến các vụ người Cao Miên tàn

sát người Việt trong những năm 1920. Chính quyền thuộc địa không bỏ lỡ cơ hội nuôi dưỡng lòng thù hận ấy bằng cách bổ nhiệm người An nam vào những chỗ làm tốt hơn người bản xứ, ít được học hơn. Có khoảng 27 000 người An nam sống ở Phnom Penh, làm công chức, nhân viên thương mại, công nhân, thợ thủ công và người buôn bán. Có một khu công giáo chỉ có toàn người An nam, viên cố đạo già người Pháp cho con chiên vay nặng lãi, ai không trả được nợ thì lão chỉ cần sang tên lão thuyền đánh cá của họ, và bằng cách đó làm cho người bị tước đoạt không thể thoát khỏi được tay lão.

Tôi có gặp trạng sư Lascaux, người bị đánh giá xấu do thái độ bất phục trước các bậc bê trên. Gọi lại với tôi những lời "thú tội" vô nghĩa lý của các người bôn sê vich lão thành tại vụ xử án cuối cùng ở Mátxcova, ông ta có lời bình như sau: "Thật chẳng khác gì họ thú nhận đã đánh cắp chuông của nhà thờ Notre-Dame vậy!" Tôi chẳng biết gì về Notre-Dame cả, nên thấy câu chuyện càng khó hiểu hơn... Khi chia tay với tôi, ông ta tặng tôi cái máy chữ cũ.

Một đồng chí, làm ngành vận tải đường sông Sài Gòn-Phnom Penh xuôi ngược trên sông Mékong, thỉnh thoảng lại đem đến cho tôi những báo chí sách vở cấm. Lư Sanh Hạnh nhiều khi lên Phnom Penh thăm tôi, cho tôi biết tin tức Nam Kỳ.

Tháng hai 1938, 4 000 phu khuân vác đinh công làm tê liệt hoàn toàn các nhà máy xay gạo Chợ Lớn. Họ không chịu bốc vác các bao thóc của 300 chiếc thuyền bị làm không cho hoạt động được gí ở bến. Chỉ ba ngày là bọn chủ đã buộc phải nhượng bộ. Rải rác trong năm 1938 còn có đinh công ở các xí nghiệp thủ công gạch, gốm, thủy tinh, xà phòng và vận tải đường sông.

Năm Dân, lúa bị sâu bệnh tấn công, mùa màng hết sức xấu, con ma đói ám ảnh nông dân nghèo miền Tây Nam Kỳ. Tháng chín 1938, 1500 nông dân kéo cả vợ con đi biểu tình ở Phước Long, đòi công ăn việc làm và trợ cấp lương thực. Viên chủ quận An nam báo động len chủ tỉnh Rạch Giá, đặt ra vài cái "công trường cho kẻ khốn khổ", phát chẩn có lệ rồi lấy "lý do đau ốm", đóng cửa không cho ai đến nhà mình. Tại tỉnh Bạc Liêu, trong vòng một tuần lễ, hàng trăm dân chết đói kéo nhau đến vơ vét sạch hàng chục kho thóc của địa chủ. Ngày 4 tháng mười 1938, 500 nông dân biểu tình ở Cà Mau. Cảnh binh đồn áp dữ dội, làm nhiều người bị thương. Những kẻ nô lệ khổ sai của đồng ruộng ấy sẽ phải nhận những tháng, những năm tù dày vì tội xâm phạm đến quyền sở hữu thiêng liêng và đến trật tự công cộng.

Tôi ở chung với anh bạn Diệt một chỗ ngay gần chợ Phnom Penh. Thật là tuyệt ! Anh ta có một cái máy hát nó cho chúng tôi nghe mãi không chán những bài hát của Tino Rossi – *Cây ghita tình yêu... Hãy mang đến cho nàng tiếng vọng của những ngày tươi đẹp... Hãy giúp tôi cho nàng nghe... Bài ca trong mộng...* – và những bản nhạc của Louis Armstrong.

Vào một tối thứ bảy, Diệt dẫn tôi và hai anh bạn đến một ổ chứa có biển hiệu RO (đại lý thuốc phiện). Diệt ra vào nơi đây không phải trả tiền, vì người Tầu chủ ổ chứa phải "làm việc" với anh ta mỗi lần đến sở Đoan. Bước vào cửa, tôi đã ngửi thấy mùi thuốc phiện êm dịu không thể tưởng tượng được. Không có ánh sáng nào khác ngoài những ánh đèn dầu lạc hắt những ánh mờ ảo ảo lên những bộ mặt dân ghiền. Chủ chứa tể nhị cho chúng tôi một chỗ ở cuối phòng, trong một góc yên tĩnh xa chỗ đám khách quen. Chúng tôi nằm dài xuống bộ phản gỗ,

gối đâu lên chiếc gối sứ. Ở đây người ta không nói, họ chỉ thì thào. Ngoài bộ bàn đèn, nhà hàng còn mang đến cho chúng tôi một ấm trà nhỏ và bốn cái chén hạt mít. Cây điếu là một cái ống bằng gỗ đánh bóng, dài khoảng 50 xăngtimét, một đầu bịt kín. Ở khoảng hai phần ba của cây điếu có gắn cái nõ bằng đất nung ở giữa dùi một lõi thủng nhỏ xíu. Như một người thành thạo, Diệt khéo léo cầm cây kim tiêm thuốc dài ở đầu có cắm viên thuốc nâu quánh, hơ lên cho nó nổ lép bếp trên ngọn lửa đặt trong chiếc thông phong thủy tinh dày hình côn. Anh ta lăn đi lăn lại vê viên thuốc trên cái thành cong nhăn của nõ điếu, hơ lại cho nóng, rồi lại vê cho đến khi điếu thuốc có màu của dầu một con dế... Rồi nhoáy một cái, anh ta nhét viên thuốc vào nõ điếu và rút kim ra. Anh ta quay ngược cây điếu, hơ nõ điếu lên ngọn lửa và đưa cho tôi. Tôi rít và nhả khói làm nhiều hơi. Các bạn tôi thành thạo hơn, rít điếu thuốc một hơi liền, tợp một chén nước trà đặc rồi mới nhả khói ra. Cơn mê ly xâm chiếm lấy tôi.

Tôi trở thành cộng tác viên của báo *Tia Sáng*, xuất bản bằng tiếng ta ở Sài Gòn vào tháng hai 1939. Hồi tháng tư, tôi có đăng trên báo đó một bài ký tên Tân Lộ – "Tạ Thu Thâu và chính sách bôn sê vich-lêninit" – nhắc đến các mâu thuẫn nặng những hậu quả trong nhóm La Lutte cũ, phê phán quyết liệt Tạ Thu Thâu và các người Trotskit hợp pháp đã liên minh với các người phái Stalin.

Một hôm, tôi đề nghị với ông chủ cho phép tôi xuống Sài Gòn vài hôm thăm gia đình. "Được, và lại còn cuộc bầu cử nữa chứ nhỉ..." ông ta hóm hỉnh trả lời và đồng ý cho tôi đi.

Tất nhiên, ông ta thừa biết cũng như tôi rằng không có chuyện tôi tham gia ứng cử vào cái Hội đồng thuộc địa ấy với

chế độ ứng cử phải nộp một món tiền, nhưng tôi nóng lòng về gắp anh em đồng chí trong chiến dịch vận động bầu cử nó làm Sài Gòn sôi lên sùng sục trong tháng tư 1939. Các người phái Stalin, với tờ báo Dân Chúng của họ và với cái danh sách ứng cử được đặt tên là danh sách "Mặt trận Dân chủ", mở một chiến dịch tuyên truyền cho những cải cách dân chủ đổi bằng việc họ ủng hộ chính quyền thuộc địa trong chính sách phòng thủ Đông Dương. Tờ báo *Tranh đấu-La Lutte* của các người Trotskit kịch liệt phản đối và lên án mọi sự thỏa hiệp với chính quyền thuộc địa. Các người Trotskit vận động xoay quanh sự cần thiết phải lập ra một "Mặt trận công nông" chống chiến tranh, chống lập quỹ phòng thủ quốc gia, chống tăng thuế và việc đặt ra chế độ đảm phụ quốc phòng, chống việc bắt thêm lính. Họ trình bày cương lĩnh cách mạng của họ như sau: lập ra những ủy ban nhà máy và ủy ban nông dân để kiểm soát hoạt động của các nhà băng, các tổ chức công nghiệp, thương nghiệp và nông nghiệp; trao quyền quản lý giao thông vận tải và bưu điện cho giai cấp vô sản; chia đồn điền ruộng đất của các nhà băng, của Nhà thờ và của địa chủ cho nông dân nghèo; trao cho các ủy ban nông dân nhiệm vụ thủ tiêu chế độ bóc lột phong kiến; và cuối cùng, để chống lại chiến tranh, dự kiến về lâu về dài lập ra một Liên hiệp các quốc gia Xô viết châu á.

Ngày 30 tháng tư, trên quảng trường Dinh Xã Tây đen nghịt những người, tôi đứng cùng đám đông dân chúng đợi kết quả bỏ phiếu. Bỗng một tiếng kêu vang lên: "Toàn bộ danh sách Đệ Tứ trúng cử!" Bùng nổ vui mừng. Một đoàn diễu hành bột phát hình thành tiến về phía trụ sở báo *La Lutte*. Có những tiếng hô: "Mặt trận công nông muôn năm! Đả đảo Mặt trận dân chủ!"

Cương lịnh lật đổ của những người Đệ Tứ đáng lẽ phải đẩy vô khối cử tri ra xa, nhưng lại lôi kéo được nhiều người vì nó phản đối những khoản thuế má mới và đảm phụ quốc phòng. Thành thử, thật nghịch lý là Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm và Trần Văn Thạch của nhóm La Lutte lại được bầu vào Hội đồng thuộc địa. Còn những đệ tử Stalin Nguyễn Văn Tạo và Dương Bạch Mai, sang vòng hai đã liên danh với những người tư sản lập hiến, thì đã bị loại, thậm chí cử tri đã bất bình gọi danh sách của họ là danh sách "chính phủ".

Xin nhớ lại rằng, ngay từ hồi tháng năm 1938, khi chính phủ Daladier quyết định một khoản vay công trái 33 triệu đồng và ban lệnh bắt thêm 20 000 lính bộ binh bản xứ, thì một số người trong đảng Cộng sản Đông Dương đã đi tới chỗ gợi ý nên chia nhỏ những phiếu công trái 100 đồng thành những phiếu 10 và 5 đồng cho hợp với những túi tiền nhỏ. Một thông tri của đảng Cộng sản Đông Dương đề ngày mồng 1 tháng bảy 1938 đã giải thích cho các đảng viên: "Nước Nhật dòm ngó đảo Hải Nam là mối đe dọa trực tiếp đến an ninh của Đông Dương. Trước những mưu toan xâm lược của bọn phát xít, đảng Cộng sản Đông Dương tán thành những biện pháp do chính phủ đề ra." Nói cách khác là chính quyền thuộc địa có thể trở thành đồng minh của những người phái Stalin. Cảm thấy công trái không được lòng dân, cuối cùng Ban chấp hành trung ương đã phải lên án việc quá nhiệt tình tuyên truyền ủng hộ công trái nhưng vẫn yêu cầu phải ủng hộ chính phủ: "Nếu chúng ta không làm như thế thì lập trường của chúng ta sẽ lẩn lộn với lập trường của bọn Trotskit chống lại việc tăng cường phòng thủ đất nước".

Trên tờ *Dân chúng* số ra ngày mồng 1 tháng tư 1939, những người phái Stalin đã tuyên bố: "Bạn Trotskit đã bán mình cho Nhật và cho chủ nghĩa phát xít".

Phan Văn Hùm đáp lại trên tờ *Tranh đấu* số ra ngày 19 tháng năm 1939: "Chừng nào mà nhân dân còn sống trong đói khổ thì họ không có gì để bảo vệ cả. Người ta chỉ cho chúng ta trông thấy những ruộng đồng, đất đai, nhà cửa... nhưng nhìn kỹ vào thì ta thấy tất cả những của cải giàu sang ấy đều thuộc về các nhà đại tư sản. Trong mười loại thuế mới có thuế đánh vào đường và diêm là hai sản phẩm thông dụng... "Phòng thủ quốc gia" ư? Tại sao người ta lại đổ công việc ấy lên đầu dân chúng nghèo khổ?"

Trong quá trình tuyển lấy 20000 người phải đăng lính, đã xảy ra những vụ rối ren tại các trung tâm bốc thăm, nhất là những vụ tự thương và những vụ bắt bớ vì xùi dục trốn lính.

Ngày 20 tháng năm 1939, trong một công điện gửi lên bộ trưởng Bộ thuộc địa, viên toàn quyền Brévié tỏ ra hài lòng về lập trường của Nguyễn Văn Tạo: "Trong khi những người cộng sản phái Stalin cùng với Nguyễn Văn Tạo đã hiểu rằng lợi ích của dân chúng An nam đòi hỏi họ phải sát cánh với nước Pháp thì những người Trotskit dưới trướng Tạ Thu Thâu không ngần ngại xúi giục dân bản xứ nổi dậy lợi dụng một cuộc chiến tranh có thể xảy ra để giành lấy giải phóng hoàn toàn".



Sở Mật thám Phnom Penh không rời mắt theo dõi chúng tôi. Hôm trước ngày 14 tháng bảy (ngày quốc khánh Pháp) 1939, Từ Văn Hợp và tôi bị gọi lên Sở Mật thám. Tôi bị dẫn trước

vào phòng giấy của Arnoux. Cánh cửa khép lại sau lưng tôi, tôi thấy mình đứng trước viên cẩm mực thám ngồi lọt thỏm trong chiếc ghế bành da phía sau cái bàn rộng và trống trơn. Bên trái lão ta là viên thanh tra Brocheton mà tôi đã nhận ra được vì thỉnh thoảng tôi có giáp mặt khi đến thăm ông chủ. Phía bên phải lão ta, hai tay chống lên mép bàn giấy là viên thanh tra Ouvrard, một người Pháp lai Bắc Kỳ thường nói chuyện bằng tiếng An nam với tôi mỗi lần hắn ta đến cửa hàng chúng tôi mua đạn súng săn. Thoạt đầu bộ ba ấy lảng lặng nhìn tôi chầm chằm, chắc hẳn để uy hiếp tinh thần tôi chẳng? Cuối cùng arnoux lên tiếng, giọng đĩnh đạc, đều đều :

- Chúng tôi đã để ông yên, chúng tôi yêu cầu ông cũng để cho chúng tôi yên.
- Nhưng tôi không thấy...

Lão không để cho tôi nói, và tiếp :

- Ông cũng biết Cao Miên là một xứ sở bình yên, và chúng tôi không cho phép bất cứ một sự lộn xộn nào, bất cứ một hoạt động tuyên truyền nào...
- Tôi đến đây để làm việc và kiếm sống, và lại tôi không biết tiếng Miên và tôi không có quan hệ với dân ở đây...

Viên thanh tra lai Bắc nói chen vào :

- Nhưng giữa các ông với nhau có hợp hành gì không ?
- Không.
- Kể cả bằng đi xe đạp ?

Thì ra là họ không lúc nào rời mắt khỏi chúng tôi, ngay cả trong những cuộc di chơi chủ nhật bằng xe đạp ở vùng ngoại ô Phnom Penh, ở Baktouk, khu người Tàu, và có thể cả khi chúng tôi dong thuyền trên sông Mekong đi tới bán đảo Chroui Changwar, khu người hồi giáo Mã Lai.

Tình hình diễn ra dồn dập trong hai tháng tiếp theo đó: Stalin ký "Hiệp ước không xâm phạm Đức – Xô", quân đội Đức tiến vào Ba Lan, Pháp và Anh tuyên chiến với Đức, lệnh tổng động viên được ban bố ở Pháp và ở Đông Dương.

Ở Phnom Penh, hai ngày sau khi lệnh tổng động viên được bố cáo trong thành phố, bọn cớm đến lục soát nhà tôi ngay từ sáng sớm. Họ tịch thu thư từ sách vở của tôi. Hôm sau, tôi phải đến Sở Mật thám để chứng kiến việc soát xét các giấy tờ của tôi. Tôi cảm thấy mình như một con mồi bị săn đuổi và muốn biến đi một nơi nào đó. Nhưng biến đi đâu?

Bị gọi một lần nữa lên Sở Mật thám ngày mồng 4 tháng mười 1939, Từ Văn Hợn, anh bạn làm báo của tôi, và tôi gặp ở đó khoảng hai chục người, đa số là người An nam cư ngụ ở Phnom Penh, trong đó có một viên hiệu trưởng, và cũng có cả vài người Tàu già hìn như là bị nghi tham gia hội kín. Một viên thanh tra, khách hàng của công ty tôi làm việc, hất hàm hỏi tôi:

– Ông dính líu vào những chuyện này à?
– Người ta bảo là tôi dính líu vào...

Một cánh cửa nặng nề đóng sập sau lưng chúng tôi, thế là chúng tôi di doong. Đến tối, từ bên ngoài người ta đưa thức ăn và chăn chiếu vào cho chúng tôi. Chúng tôi nằm chen chúc ngay dưới sàn xi măng. Về cuối chiều thì gia đình mang vào cho chúng tôi cơm đựng trong cà mèn; nhăn nhe và tin tức bên ngoài đến với chúng tôi trong những mẩu giấy nhỏ cuộn giấu trong các cuộng rau muống.

Ngày nọ tiếp theo ngày kia trôi qua, và sau một hai tuần lễ mỗi người chúng tôi lại tự hỏi về lý do của sự giam giữ không có hạn định này.

Khả, viên hiệu trưởng, rả rích đọc cho chúng tôi nghe suốt ngày những tác phẩm kinh điển của văn học Pháp. Hình ảnh "một con trùng phải lòng một ngôi sao" (*un ver de terre amoureux d'une étoile*, in *Ruy Blas*, Victor Hugo) còn lưu lại trong trí nhớ tôi.

Một hôm người ta dẫn vào chỗ chúng tôi một người Pháp bị bắt vì buôn thuốc phiện. Anh ta lấy làm hài lòng được nói chuyện tiếng Pháp với chúng tôi.

Sang tuần thứ ba, một buổi sáng, tôi bị gọi ra toà. Mặc dầu cổ tay đeo còng rất khó chịu, tôi lấy làm sung sướng được thấy lại phố xá và con người của cái thành phố tôi đã sống hai năm ở đó.

Viên biện lý là một người Án Độ.

– Chúng tôi có cái trát bắt anh của tòa án Mỹ Tho. Anh có đồng ý ra trình tòa ở Mỹ Tho không?

– Thế nếu tôi không đồng ý?

Người ta sẽ áp tải bắt anh phải đi.

Mỹ Tho, miền Tây Nam Kỳ ư? Tại sao thế nhỉ? Tôi chẳng còn hiểu ra làm sao. Sau đó tôi bị đưa vào nhà tù Phnom Penh nằm đợi có chuyến xe đi Nam Kỳ.

Lúc ấy là xế trưa. Tên chánh cai ngục, một thứ rác thải thực dân già nua nom gớm khiếp, người đầy lông lá, đang nằm võng dung đưa ngủ, ngồi nhôm dậy, cáu tiết vì bị làm rầy giữa lúc đang ngủ trưa. Người áp tải tôi tiến đến bên hắn, nói nhỏ cái gì đó tôi không biết. Hắn dẫy nảy lên :

– Không! Không! Không! Xέo đi! Ở đây không nhận bọn chính trị!

Người ta lại dẫn tôi quay về Sở Mật thám.

Hôm sau, tờ mờ sáng, tôi bị "chất" lên một chiếc xe tải nhỏ đầy những tù. Trên xe cũng được chất lên những giỏ tre bự

tròn to trong đó lục đục những vịt, gà trống, gà mái, bên cạnh những thúng thỏ của viên cẩm Phnom Penh gửi cho vị đồng nghiệp ở Sài Gòn – ở đây chúng rẻ hơn ở Nam Kỳ!

Chúng tôi bị còng thành từng đôi một, đứng chen chúc, bàn tay không bị còng bám lên các thanh kèo sắt đỡ cái mui vải. Bọn lính canh ngăn tôi không được ngồi lên những giỏ công kẽm ấy. Dưới những đòn roi nện xuống đầu, những con cá sardine người là chúng tôi cố hết sức thu hẹp dí mình lại, và chiếc xe tải khởi hành. Tôi tiếc rẻ nghĩ trong bụng là mình rời Cao Miên mà cũng chưa được nhìn thấy Angkor.

Ở Sài Gòn, tôi bị đưa đến Sở Mật thám phố Catinat với mùi nước tiểu và mùi sơ hãi quen thuộc. Ở đấy, tôi gặp lại anh chàng buôn thuốc phiện người Pháp cùng bị giam với tôi ở Phnom Penh. Anh ta chia sẻ với tôi bữa ăn trưa của anh ta được đặt mang vào từ bên ngoài dành riêng cho tù nhân người Pháp. Hôm sau, một viên cảnh binh áp tải tôi, hai tay đeo còng, lên xe lửa đi Mỹ Tho.



Cà Mau, miền Hậu giang, nơi tôi đã sống từ 1942 đến 1945

TAI VÙNG CHÂU THỔ SÔNG MÉKONG

Trên đoàn xe lửa nhỏ chạy từ Sài Gòn đi Mỹ Tho, hành khách hầu hết là những bà con nông dân di chân đất. Họ có vẻ như không để ý đến – do tế nhị hay thờ ơ? – sự có mặt của một người tù bị còng tay do một cảnh binh áp giải. Sau hầu như cả một tháng bị giam chật tại Sở Mật thám Phnôm Pênh và trước cái tương lai tù tội chưa biết thế nào đang chờ đợi tôi, thật là một niềm hạnh phúc tươi mát được nhìn thấy cảnh vật lướt qua trước mặt mình, những cánh đồng ruộng mênh mông chói chang, những đàn trâu thanh bình, những hàng tre che bóng cho những mái nhà lá. Nhưng tại sao tôi lại bị chuyển đi Mỹ Tho? Tôi không thể không đặt cho mình câu hỏi ấy. Vừa tới nơi, tôi đã bị dẫn đến phòng làm việc của viên bồi thẩm, một người ấn Độ mắt long lanh hầm hè:

– À, Trotskit!... Một lũ phá hoại!

Thật kỳ lạ là hắn ăn nói với tôi đúng bằng cái giọng "vụ án Moscou". Hắn rút trong hồ sơ ra một lá thư và yêu cầu tôi khẳng định tôi đúng là người viết bức thư ấy. Tôi khẳng định. Đó là lá thư tôi viết cho một anh bạn tên là Cảnh làm ở Sở thuế Mỹ Tho hỏi tôi đọc sách Trôtski thì nên đọc quyển gì. Lá thư ấy viết bằng chữ quốc ngữ, nhưng riêng hai đề sách thì viết bằng tiếng Pháp: *La Révolution permanente* (Cách mạng thường trực) và *L'Internationale communiste après Lénine* (Quốc tế cộng sản

sau Lenin). Cảnh kẹp lá thư trong một quyển sổ thuế rồi quên. Viên sếp Tây của anh ta vớ được lá thư và gửi luôn cho Sở Mật thám, không lôi thôi gì cả. Và thế là tôi biết tin Cảnh bị bắt. Viên bồi thẩm tuyên bố:

– Anh bị bắt vì tội hoạt động lật đổ.

Rồi người lính gác đưa tôi đến nhà tù ở giữa thị xã Mỹ Tho. Tôi ở trong phòng tạm giam, chật ních những con mồi bị săn đuổi như tôi, đang ở trong thời kỳ xét hỏi hoặc chờ ra toà. Trong không khí ngọt ngạt mùi nước tiểu và mùi hôi thối của các thùng phân, họ nằm ngồi ngổn ngang trên sàn ván thấp cát bẩn. Đôi chân trần của tôi ngập ngừng bước trên nền nhà nhầy nhua. Một người bị giam đang đi đại tiện trên một cái bục cao ở cuối phòng, ngồi xổm lom khom trên cái miệng lỗ, tay cầm tấm ván nắp thùng cố che đậy phần lõa lồ của mình.

Bảy tám bà con nông dân vây quanh tôi, thái độ niềm nở, như họ đang đợi tôi tới vậy. Hình như họ đã bị bố ráp cũng như tôi vào lúc tuyên bố chiến tranh.

Chúng tôi bị giam hăm suốt ngày. Ngày hai lần, sáng vào lúc mười một giờ, chiều lúc bốn giờ, cánh cửa sắt độc nhất mở ra, đàn súc vật người chạy ùa ra chiếc sân nhỏ, xông vào nhà ăn, ngồi xổm dưới đất, nốc thức ăn đặt ngay dưới đất. Rồi lại tức tốc về phòng giam dưới con mắt cảnh giác của bọn mã tà. Không được ra sân, không có lúc nào được đi dạo.

Vào các giờ ăn, chúng tôi trông thấy những chị em bị giam ngồi xổm ở cửa phòng giam của họ. Trong đám họ có người chị cả của cô bạn gái của tôi, bị án ba năm, nữ tù nhân chính trị duy nhất của nhà tù này. Chị tham gia Đảng cộng sản Đông Dương vào cái thời kỳ anh hùng, năm 1930.

Ít lâu sau, người ta tách chúng tôi ra khỏi đám "thường phạm". Cùng với các bà con nông dân Thạnh Lợi, tôi được

đưa tới một phòng giam rộng không hơn một cái hành lang, và gặp ở đó bốn người theo đạo thần bí, tù nhân chính trị cũng như chúng tôi, và Cảnh, anh bạn khốn khổ đã trao đổi thư từ với tôi.

Ngoài hai lúc ngắn ngủi đi ăn, chẳng có chỗ nào mà đi lại, chúng tôi cả ngày hết ngồi lại nằm trên các sàn ván. Phía bên ngoài, ngay dưới khung cửa sổ có song sắt trông ra sân, có một chum nước. Lấy được nước là cả một trò làm xiếc. Chúng tôi phải bám lên thành cửa sổ cách đất hai mét, dùng một cái lon đồ hộp rỗng buộc vào một đầu dây, thò qua song sắt múc nước trong chum, như múc nước giếng vậy. Anh em hỗ trợ nhau để có nước uống, và có nước thỉnh thoảng lau rửa qua loa.

Cảnh và tôi ra tòa vào tháng mười một. Không có luật sư, chúng tôi tự cãi cho mình. Hồ sơ hình như chỉ có lá thư tôi viết cho Cảnh và các bản báo cáo của Sở Mật thám về quá khứ của tôi. Tôi khai rằng từ năm 1937, sau khi ra tù, làm việc ở Phnom Penh, tôi không có bất cứ hoạt động chính trị nào, "hành động lật đổ" duy nhất của tôi là cho một anh bạn biết đâu để hai cuốn sách của Trôtski. Viên chưởng lý vặn lại :

- Nhưng ở Sài Gòn, người ta đã trông thấy anh chào Tạ Thu Thâu ở ngoài phố.
- Tôi quen Tạ Thu Thâu ở trong tù, lẽ dĩ nhiên là gặp ông ta ở ngoài đường tôi phải chào.

Tuyên án: Cảnh, sáu tháng tù, tôi tám tháng. Chúng tôi quyết định không kháng án.

Ngày hôm ấy, cũng tại tòa án ấy, mở ra phiên tòa đại hình. Xẩm chiểu, lòng tôi xốn xang trước những tiếng kêu la và những tiếng than khóc của những người đàn bà dắt theo con nhỏ sau chồng họ bị xích từng dây đang bị đưa trở về nhà

lao. Những người bị kết án khổ sai ấy sẽ bị giam vào những xà lim tối tăm gần phòng giam chúng tôi. Họ ở đó đợi ngày bị đày ra Côn Đảo. Cũng chiều hôm đó, vào lúc xẩm tối, tên chánh án giết người tới nhà lao. Tên con cháu ấy của những kẻ nô lệ, ngày hôm qua còn là "dân thuộc địa" như các nạn nhân lúc này của nó, nhưng bây giờ được nâng lên tư cách công dân Pháp nhờ được sinh ra trên đảo Antilles, hình như rất lấy làm hài lòng về vai trò tay sai của mình khi nó đi kiểm tra những con người nó thản nhiên tống di cho chết dần chết mòn ở nơi lưu đày.

Trong một ngục tối biệt giam có một người vượt Côn Đảo bị xiềng xích suốt ngày đêm: đầu anh ta bị cạo trọc một nửa thành một đường từ trán qua đỉnh đầu xuống gáy, và bọn gác ngục gọi anh ta một cách đều cáng là "gà xước".

Tôi làm thân với người trẻ tuổi nhất trong đám thần bí và dần dần đặt được quan hệ với ba người đàn anh của anh ta, những con người lầm lì ít nói hơn và xa lánh hơn. Tôi nhận thấy người cao tuổi nhất trong bọn họ, Nguyễn Ngọc Diện, một người lùn mập khoảng ngoài ba mươi, có cái nhìn u sầu và gương mặt tai tái, nom có vẻ khác thường bên cạnh các bạn mình có gương mặt cháy nắng và daí dầu bùn lầy đồng ruộng. Một ông già nông dân Thạnh Lợi kể chuyện với tôi :

– Anh ta cho rằng mình là dòng dõi vua Minh Mạng, và đòi Pháp phải trả lại anh ta vương quốc Annam.

Tôi chợt nhớ lại rằng hồi tháng tám 1937, năm tình hình Sài Gòn sôi sục, một tin đăng trên báo đã làm tôi chú ý: "tướng" Nguyễn Ngọc Diện, thày cả đạo Cao Đài đã kêu gọi thiện nam tín nữ không đóng thuế thân nữa, và đã bị giam vào Khám Lớn.

Từng mâu một, anh chàng thân bí trẻ tuổi kể cho tôi nghe những nỗi tù đày thống khổ của họ. Chuyện họ bị chuyển từ Khám Lớn Sài Gòn sang khoa tâm thần của nhà thương Chợ Quán. Anh kể cho tôi nghe tỉ mỉ cái cảnh thê thảm xảy ra hàng ngày như cơm bữa, mấp mé giữa cái sống và cái chết của những người cùng bị giam với mình. Anh nói: khi hai chân người hấp hối duỗi cứng ra, đó là dấu hiệu hết, hết sống, hết khổ. Viên bác sĩ trống tâm thần nhà thương Chợ Quán, đã ghi như thế này trong bản giám định y khoa của mình: "Bản thân Nguyễn Ngọc Diện có vẻ không nguy hiểm, ít ra thì cũng là trong lúc này... Nhưng dứt khoát không nên cho anh ta về sống tại gia đình vì như thế thì những ý nghĩ điên rồ của anh ta có thể lọt ra bên ngoài và trở thành nguy hiểm cho xã hội".

Nguyễn Ngọc Diện đã ba lần bị chuyển đến nhà thương điên Biên Hòa. Lần này người ta tống anh ta vào một nhà lao tĩnh lẻ với những tù nhân chính trị chúng tôi. Đó là vì hồi ức về những cuộc nổi dậy của nông dân do các người thân bí đáy lên năm 1916 vẫn còn ám ảnh chính quyền.

Mấy người thân bí ấy thuộc giáo phái *Tuyệt cốc*. Kiêng ăn ngũ cốc. Họ tự tuyên bố thuộc một đạo mới, đạo Cao Đài (Đứng trên đỉnh Tuyệt Cao),誕 sinh vào thời kỳ nở rộ của các phong trào quốc gia trong những năm 1925-1926. Một bộ phận giai cấp tư sản bản xứ – trong đó có những viên chức cao cấp bất mãn với địa vị lệ thuộc của họ trong bộ máy thuộc địa – cố tạo ra cho mình một lãnh vực siêu quần trong đó họ có được một địa vị xã hội ưu thế ở ngoài lề xã hội thuộc địa. Giáo phái mới ấy bao gồm, ngoài ba luồng triết học tôn giáo cổ truyền (Phật giáo, Đạo giáo và Khổng giáo), lại có cả Công giáo và việc thờ thần thánh. Trong điện thờ của họ, ngồi bên cạnh

Bô Tát, Lão Tử và Khổng Tử còn có trên những thang bậc khác nhau, Chúa Giêsu, Mahomet, Bàlamôn, Vishnou, các thi sĩ Lý Thái Bạch, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Victor Hugo và các nhà chính trị như Găngđi, Tôn Dật Tiên... Tòa thánh Cao Đài đặt ở Tây Ninh, cách Sài Gòn 90 cây số về phía bắc. Thừa cơ xảy ra khủng hoảng kinh tế và phong trào nông dân "cộng sản" bị đập tan trong hai năm 1930-1931, Cao Đài đã nhanh chóng thu nạp được nhiều đệ tử trong giai cấp nông dân quẫn quại dưới ách của các địa chủ và kỳ hào nông thôn. Đến năm 1932, đạo Cao Đài đã có khoảng 350 000 tín đồ. Nhiều người tư sản lập hiến, trong cuộc săn lùng quyền lực đã cải giáo sang đạo Cao Đài.

Hai năm trước khi tôi gặp ông ta, con người thần bí nổi loạn Nguyễn Ngọc Diện đã dắt theo một số đệ tử đi về miền tây Nam Kỳ, tới nhà thờ Cao Đài Bạc Liêu, họp sư sãi và tín đồ lại kêu gọi họ đốt hết thẻ thuế thân đi và từ nay chỉ tuân theo lệnh trời thôi. Và thế là ông bị bắt. Người ta khám người ông ta, bắt được tờ danh sách lạc quyền trên đó có ghi tên Nguyễn An Ninh. Nguyễn Ngọc Diện bị cật vấn đã trả lời một cách ngây thơ:

– Tôi có quen Nguyễn An Ninh. Tháng sáu năm ngoái tôi có gặp ông ở Gia Định. Tôi có nói chuyện với ông về sứ mạng của tôi là phải thu hồi lại đất nước Nam. Ông đưa cho tôi một đồng, tâm sự với tôi là ông đang bị mật thám săn lùng, nhưng nếu tôi cần gì đến ông, tôi vẫn có thể cứ đến gặp.

Một món quà trời cho không thể ngờ tới đã đến tay tôi. Giấy viết, phong bì thư và một mẩu bút chì đã được gửi đến cho tôi, giấu lẩn trong quần áo. Tôi nảy ra ý kiến viết một bài cho báo *Điện tín* bênh vực mấy người thần bí, tất nhiên là với sự thỏa thuận của họ. Dì Hai, mẹ cô bạn của tôi, thường đến

nhà tù thăm một người con gái khác của bà, có làm quen được với đội Khánh, viên chỉ huy bọn ma tà An nam. Bà biết cái tên nghiện thuốc phiện thâm niên cố để đó sẽ ngoảnh mặt làm ngơ nếu thỉnh thoảng bà díu cho nó một hộp thuốc phiện nhỏ. Chính bằng cách đó mà bài báo của tôi đã lọt được ra ngoài và đăng báo.

Các anh bạn nông dân cộng sản của tôi coi mấy người giáo phái kia không có vẻ quan trọng. Nhưng đối với Cảnh và tôi, hai dân Trotskit, thì họ biểu lộ ra có thiện cảm. Một buổi tối đáng ghi nhớ tháng mười một 1939, Đấu, một anh nông dân khoảng hai mươi lăm, đứng trên bức sàn ván, ứng khẩu đọc một bài chào mừng bốc lửa nhân dịp kỷ niệm hai mươi hai năm Cách mạng tháng Mười. Một trong những người lớn tuổi nhất cất giọng hát một bài chống Pháp bằng tiếng Việt truyền khẩu nhau trong những năm 1920: "Chúng ta cùng đứng trên một con thuyền giữa bão tố". Tôi đã học thuộc lòng bài trường ca ấy, một bài ca tôn vinh vua Duy Tân bị đưa đi đày năm 1916, và bêu nhục Khải Định, bố của Bảo Đại:

*Nam Nước Nam ta đang lúc thái bình
Qua Tây qua nó lấy Nước thình lình
Khiến ba kỳ ta lầm điêu gian truân
Thương đức Thánh hoàng Duy Tân
Ông vua hiền lòng dạ ồng thương dân
.....
Bị Tây đày ra ngoại quốc ẫn thân.*

Các anh bạn nông dân bảo tôi: "Anh cứ về chỗ chúng tôi ở Thạnh Lợi. Anh em sẽ giúp, cho anh thuê một mảnh đất, dựng cho anh một túp nhà. Thân cau và lá dừa nước thì nơi chúng tôi

không thiếu. Anh sẽ học trồng mía cùng với chúng tôi. Chúng tôi sẽ cấp cho anh cành giống. Buổi trưa nóng nực, người dầm đìa mồ hôi, nhảy tùng xuống dòng sông mát mà tắm, sướng lắm!"

Các anh em ấy quan niệm cuộc đấu tranh không tách rời cuộc sống thôn dã hàng ngày của họ, nhìn sự cải tạo thế giới và xã hội xuất phát từ cái cộng đồng làng mạc của họ. Tình bạn của họ làm tôi rất cảm động. Nhưng đó chỉ là chuyện mộng mơ. Mỗi lần ra khỏi nhà tù, những dự định về tương lai trước mắt luôn luôn tan thành mây khói, dòng đời lôi tuột chúng tôi về những bến bờ vô định.

Số phận những người bạn nông dân của tôi đã ra sao trong cơn lốc khởi nghĩa nông dân ở Nam Kỳ hồi tháng mười một 1940? Người ta nói rằng Thạnh Lợi ở rìa Đồng Tháp Mười, đâu như đã biến mất dưới làn mưa bom đạn.

Một buổi sáng tháng sáu năm 1940, tôi chia tay với các bạn trong hoàn nạn. Bước qua cánh cửa sắt nhà tù, lòng nhẹ tênh tênh, tôi lang thang trên đường phố Mỹ Tho, dấn bước đi tới khu chợ nắng chói chang. Tôi định đến cảm ơn anh Sáu Phụng, người chủ gara già của thị xã, do có móc ngoặc với bọn cai ngục, đã giúp tôi bí mật thông tin được với bên ngoài.

Bỗng một cô con gái đi xe đạp dừng xe lại bên tôi:

– Bác tôi mời ông đến gặp ông ấy.

Tôi phân vân một lát rồi đi theo cô ta. Và thế là tôi đứng trước Trần Chánh, thanh tra mật thám. Hắn nói :

– Đây là Sài Gòn yêu cầu chúng tôi giữ ông lại.

Rồi hắn sai một tên cớm dẫn tôi đến Sở Mật thám Mỹ Tho. Ở đó có một viên cẩm già người Pháp nom vẻ chẳng dễ chịu tí nào.

Cô bạn của tôi, trên tay bồng một đứa trẻ nhỏ, mang đến cho tôi cà mèn cơm. Tôi nhận cà mèn rồi ngồi xuống thềm cửa bót ăn. Đứng sau lưng tôi, viên cẩm không biết làm sao tự nhiên kêu rống lên :

– Không phải tôi làm tuyên truyền !

Tôi cứ lảng lặng ngồi ăn. Viên cẩm biến mất. Viên thông ngôn người Annam giải thích cho tôi :

– Ông ta bị hơi độc trong chiến tranh. Nhiều khi ông ta quát tôi vô cớ !

Tôi lại kinh hãi trông thấy Chín Ngọc, tên đã tra tấn tôi ở Sở Mật thám Sài Gòn. Bằng cả sức nặng thân mình nó, nó giãm đạp lên ngực một anh chàng khốn khổ nằm sóng sượt dưới sàn nhà :

– Nhận tội đi, đi dày vài năm rồi mà lại được trở về, bằng không mà sê toi mạng ở đây...

Hôm sau, người ta dẫn tôi về Sở Mật thám Sài Gòn. Trả lời những câu hỏi chính trị Sở Mật thám đặt ra với tôi viết thành văn bản, tôi lựa lời khai làm sao cho lơ mơ nhất. Tôi hiểu rằng hướng sắp tới của tôi sẽ có thể, hoặc là bị đưa vào các "đội lao động đặc biệt" của các cảng trong rừng Biên Hòa, hoặc là đưa đi biệt xứ ở một tỉnh nào đó.

Cuối cùng tôi bị một tên cảnh binh áp giải đi, hai tay bị khóa, trên một chiếc xe vận chuyển công cộng cà rịch cà tàng chạy 150 cây số hết cả một ngày, đến tỉnh Trà Vinh trên một hòn đảo miền châu thổ sông Mê Kông. Cái tên Trà Vinh đối với tôi có một âm hưởng anh hùng do một bài ca dao người ta đã díu cho mẹ tôi ở chợ làng mà tôi đã say mê học thuộc hồi lên mười :



Chánh, người kỳ dị đã hạ sát tên biến lý Chaboin năm 1893

*Trà Vinh có kẻ kỳ cào
Có thầy thông Chánh thiệt người to gan.
Đêm nằm nát một lá gan,
Oán thù biến lý không an tất lòng.
Bao giờ rõ được đục trong,
Bắn được biến lý tấm lòng mới an...*

Sau này tôi được biết người anh hùng trong bài ca dao ấy là một nhân vật có thật đã dũng cảm giết viên quan tòa năm 1893. Truyền thống nổi loạn của vùng ấy cũng làm tôi thấy rất lạ. Ngay từ năm 1889, một người bản địa đã xỉa một nhát dao vào tay quan Tây đang ngồi ăn uống với vợ mình.

Chúng tôi đến Trà Vinh vào buổi chiều. Tôi ngủ qua đêm trên mấy tấm ván cáu bẩn của một cái lều nhỏ cạnh bốt gác. Hôm sau, tôi phỏng giấy tên quan đầu tỉnh : "Cộng sản à ?" Tên chủ tỉnh Montaigut quát vào mặt tôi, đôi mắt thú dữ của nó nhìn cẩm vào mắt tôi. Sau đó hắn ra lệnh dẫn tôi đến bốt cảnh sát, nơi cứ nửa tháng một lần tôi lại phải đến trình diện. Người cảnh binh dẫn tôi đi để xuất với tôi có một căn nhà lá cho thuê ở ngay gần đó.

Tôi đi lang thang các phố, đó là cuộc đi chơi thành phố đầu tiên của tôi. Chợt có một người bước tới, chìa tay ra cho tôi : đó là Trần Hữu Độ, một nhà nho già, cũng bị quản thúc ở đây. Ông ta dẫn tôi đến một quán cơm bình dân có biển hiệu đê hai chữ "Liên lạc" (đối với những ai biết thì đó có nghĩa là nơi gặp gỡ của những anh em hoạt động bí mật). Chủ quán là Anh Sáu nhất định không nhận tiền cơm chúng tôi trả, và còn niềm nở mời tôi cứ trở lại : mình sẽ thu xếp với nhau... Anh ta tặng tôi một cây đèn dầu nhỏ. Cái nơi nương náu của những kẻ tù dày ấy mà bữa tối đó tôi được biết đến hơi ấm tình anh em, sau đó tôi mới được hay rằng thằng khốn nạn Montaigut kia vẫn ra sức quấy rối bằng cách nó đe nẹt Anh Sáu.

Phải làm thế nào để sống. Các bạn ở Phnôm Pênh gửi về cho tôi một ít tiền. Một anh hàng xóm, nghèo và căm ghét bọn cớm mà anh ta chỉ cho tôi biết những tên tàn bạo nhất, giúp tôi làm bánh tráng mang ra chợ bán. Tôi bày một sạp nhỏ bán cá

khô, rồi bán cà phê vỉa hè và nước giải khát nấu bằng rễ cây thuốc. Tôi cũng làm ra các loại thuốc theo những bài thuốc cổ truyền học được ở trong tù.

Cuộc sống bị quản thúc trong ranh giới của thị xã nhỏ Trà Vinh là một cuộc sống bị cách ly, và tôi hoàn toàn không biết tí gì về những chuyện xảy ra trong vùng, kể cả quanh đây thôi. Vì thế mà một đêm tối tăm tháng mười một tôi sững sốt thấy các xe ô tô tải kéo về ùn ùn, trên xe chất hàng chục, hàng chục những người nông dân bị giết chết hoặc bị thương, đoàn xe máu me có những cảnh binh Pháp và Annam hộ tống. Tôi không hề hay biết rằng mình đang ở trung tâm của cuộc nổi dậy nông dân đã bùng lên tháng mười một 1940 khắp miền tây Nam Kỳ và kéo dài đến tận giữa tháng chạp 1940. Những người nổi dậy đã tấn công các đồn lính khổ xanh Annam để cướp vũ khí, đốt phá các Nhà làng trụ sở của các hội tề, và giết chết những tên sai nha tra tấn khét tiếng. Khắp nơi người ta chặn đường, chấn sông, phá cầu; người ta phục kích các đội đi tuần.

Tuyên bố thiết quân luật. Các đơn vị quân Pháp, quân lê dương, với sự trợ lực của cảnh binh Pháp, lính khổ xanh khổ đỏ và mật thám càn quét các thôn xóm sau khi máy bay ném bom bắn phá. Binh lính Bắc Kỳ và Cao Miên cũng được tung vào trận chiến chống nông dân Nam Kỳ. Hơn một trăm người nổi dậy bị giết trong các trận chiến. Ấy là không thể tính được có bao nhiêu ngàn bà con nông dân không chiến đấu đã bị bom đạn tàn sát hoặc tra tấn đến chết. Trong số 5 800 người bị bắt, 221 người sẽ bị xử tử hình – hành quyết tại nơi công cộng để làm gương – 216 người khác bị đưa đi đày. Các nhà tù đều đông nghẹt, chật ních, tù nhân phải đưa giam bớt xuống những chiếc xà lan, dưới nǎng

chói chang mái tôn nóng bồng, chết như ruồi. Về sau tôi được tin anh bạn Trịnh Văn Lâu, đoàn viên Chính đoàn chúng tôi, đã bỏ mạng trên một trong những xà lan nhốt tù ấy.



Chín tháng ở Trà Vinh đã trôi qua. Tôi bắt đầu bị thổ huyết. Tôi được phép trở về Sài Gòn để chữa bệnh. Hai ngày trước khi lên đường, tôi thấy mẹ tôi xuất hiện. Tôi không tin vào mắt mình nữa: thế là bà đã lên đường một mình, băng qua đồng ruộng và các tỉnh thành để đi tìm đứa con trai đang trong cảnh nguy nan. Hai mẹ con xuống tàu thủy cùng đi Sài Gòn, mất một ngày và một đêm.

Tôi vào nằm nhà thương Gia Định một tháng. Rồi được chị Năm tôi cho trú ngụ, tôi đi tìm việc làm.

Sài Gòn đã thay đổi nhiều. Phía đằng sau nhà thờ, dựng lên một tấm panô khổng lồ vẽ bức chân dung khổng lồ của Pétain trên nền lá cờ tam tài với câu khẩu hiệu : MỘT LÃNH TỤ DUY NHẤT: PÉTAIN – MỘT BỐN PHẬN DUY NHẤT: TUÂN LỆNH – MỘT PHƯƠNG CHÂM DUY NHẤT: PHỤC VỤ. Ngửi thấy mùi bàn tay thép. Tên phát xít Decoux, đô đốc hải quân được Vichy phong làm toàn quyền Đông Dương, chính hắn đã ra lệnh ném bom các làng mạc và tàn sát nông dân nổi dậy ở Nam Kỳ, để bảo vệ "lợi ích người da trắng" đối mặt với 25 triệu dân Đông Dương.

Tôi đi gặp bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, được mọi người biết đến vì thái độ của ông chống chính quyền thuộc địa. Ông chiếu điện phát hiện ra những đốm mờ trên đỉnh hai lá phổi tôi và kê đơn chỉ định tiêm calcium và nghỉ ngơi. Tôi trả tiền khám bệnh nhưng ông không nhận.

Bằng mọi cách tôi phải tìm được việc làm. Tôi cũng chẳng buôn đến xin việc ở các hảng kim khí Pháp: không một con tàu nào từ Pháp đến được nữa, giao thông đường biển với chính quốc bị cắt đứt. Các hảng buôn Pháp hợp tác với Nhật mà sống lay lắt qua ngày. Anh bạn Lâm Thành Thị của tôi, trong thời buổi người khôn của khó này đã xoay xở làm được cái nghề mối lái, kiếm cho tôi một chỗ làm ở một hảng Nhật, Dainan Koosi. Công việc của tôi là tuyển lựa những tấm da trâu để xuất cảng sang Nhật. Tôi đánh vật với những tấm da trâu phơi khô tẩm thạch tín trong một không khí bụi mù đến tắc thở. Một viên y tá già chữa bệnh rong nghiện thuốc phiện, mà anh bạn tôi đã bắt quen được tại các ổ chữa thuốc phiện, mách tôi nên dùng thuốc crisalbine, một thứ muối của vàng hồi ấy được dùng để chữa bệnh lao. Tôi kiếm được thứ thuốc ấy bằng giá cắt cổ ở chợ đen. Lão y tá già tiêm ven cho tôi và từ chối lấy tiền công.

Tôi giữ vững được vài tháng như vậy, cho đến tận lúc cảm thấy mình sắp gục đến nơi. Cuối cùng, viên chủ người Nhật xếp tôi vào bộ phận kế toán. Thỉnh thoảng tôi lại phải đi xuống các tỉnh thanh toán tiền nong với các lò gạch dọc bờ sông Cửu Long. Đó là cơ hội duy nhất cho tôi để hiểu thêm được một chút về miền tây Nam Kỳ, nhất là Vĩnh Long, Cần Thơ và Sadéc. Với sự thông cảm giúp đỡ của người lái xe, tôi lợi dụng những chuyến đi ấy để tập lái xe ô tô. Tôi có bằng lái xe đã hơn chục năm mà chưa lần nào được sờ vào tay lái. Tôi vẫn ôm ấp ý định sang Paris học, tiền ăn học kiếm bằng nghề lái xe tăcxì. Dainan Koosi mở một văn phòng ở Cần Thơ và tôi được điều động về đấy. Bệnh phổi của tôi xem chừng đã ổn định mặc dù thể xác mệt nhoài.

Tôi có thể nhận thấy tại các lò gạch thủ công tình trạng siêu bóc lột những người vô sản bởi giới chủ cũ vợ nông thôn bắt tay chặt chẽ với bọn kỵ hào làm chủ ở các địa phương. Những kẻ cùng khổ ấy, đàn ông, đàn bà và trẻ con, ăn lương theo sản phẩm. Toàn thân bê bết bùn, họ nhào đất sét từ sáng sớm tối tối. Nhiều khi tiền họ kiếm ra được không đủ để trả những món tiền chủ ứng trước cho họ với lãi xuất cắt cổ. Đôi khi cả một gia đình bị ràng buộc như vậy vào cảnh nô lệ suốt đời. Những ai bỏ trốn bị bọn kỵ hào săn bắt, và bị chủ đánh đập dã tay thì thôi. Tôi không bao giờ quên được chiếc roi gân bò chắc nịch treo trên tường đằng sau bàn giấy của tên chủ lò gạch Vạn Xương ở Vĩnh Long.

Một hôm, tại hang Dainan Koosi, tôi được tiếp một ông khách khá đặc biệt, một con người chắc mập, có bộ mặt phong sương với bộ ria khoằm và một bờm tóc muối tiêu. Đó là Năm Lửa, một tướng cướp đáng sợ của vùng Cần Thơ. Trở thành đệ tử trung thành của ông Đạo Khùng, cảm thấy mình bị người Pháp đe dọa, ông ta muốn tìm kiếm sự che chở của người Nhật. Thế là tôi phát hiện ra sự tồn tại của giáo phái Hoà Hảo, theo tên của ngôi làng quê hương của Huỳnh Phú Sổ, người sáng lập ra giáo phái. Con người trẻ tuổi được thần linh soi sáng ấy, tức ông Đạo Khùng, năm 1939 bắt đầu quảng bá một thứ Phật giáo canh tân kết hợp sự giản dị với tục thờ cúng tổ tiên, điều rất thích hợp với tình trạng nghèo khổ của nông dân. Cuộc bắn giết nhau toàn thế giới làm tăng thêm sức mạnh cho những lời tiên tri của ông ta về ngày tận cùng của thế giới cũ: những "Kinh cầu điêu lành cho dân chúng" của ông ta nói bóng nói gió đến sự sắp kết thúc sự có mặt của người Pháp, và lời tiên đoán của ông về sự xuất hiện của Vua – Phật hứa hẹn với quần

chúng nông thôn thống khổ một tương lai thế giới đại đồng tươi sáng. Trong sự cùng quẫn của họ, nhiều người nghèo khổ đã tìm thấy sự an ủi trong giáo phái của ông ta, nhiều người tuyệt vọng đã nuôi dưỡng tinh thần nổi loạn của họ bằng giáo lý của ông. Số tín đồ của nhà tiên tri tăng lên nhanh chóng dọc sông Mê Kông làm cho chính quyền đâm lo. Sở Mật thám Pháp đã giam Nhà sư Điện ở nhà thương Chợ Quán coi như một người mắc bệnh tâm thần... cho đến ngày ông ta thuyết phục được vị bác sĩ đi theo đạo của ông! Sau đó, ông bị quản thúc ở miền cực tây, tại Bạc Liêu. Rồi hiến binh Nhật đặt ông ta dưới sự che chở của họ.

Lúc ấy, tôi được tin chị Năm Thìn, chị cả cô bạn của tôi đôi lần tôi chạm trán ở nhà tù Mỹ Tho, đang bị cưỡng bức cư trú ở Bến Tre sau ba năm bị giam giữ. Tôi biết chị sống ở đó một mình, một nách hai đứa con nhỏ. Chị ấy sống bằng gì? Tôi quyết định đi Bến Tre.

Dọc đường, trên con đò ngang qua sông Cửu Long, tôi gặp Đức. Tôi đã quen anh ta ở Khám Lớn Sài Gòn năm 1936. Tôi rất hài lòng được chia sẻ với anh vài đồng Đông Dương. Anh tham gia chi bộ cộng sản ở Bến Tre. Anh cho tôi biết tin tức của Tổng, người đồng chí của anh, mà tôi đã có quan hệ thân tình ở trong tù. Tôi đâu có thể ngờ được rằng chẳng bao lâu sau, vào tháng mười 1945, cũng anh chàng Tổng ấy, lúc đó là cớm của mật vụ Việt Minh, sẽ tìm cách bắt tôi ở vùng Thủ Đức. Làm sao có thể tưởng tượng được rằng những người đã cùng anh đương đầu với kẻ thù và đã chung sống với anh trong tù đến một ngày nào đó lại muốn ám hại anh?

Trong một lần đi lại giữa các lò gạch trên bờ sông Cửu Long, dọc đường tôi gặp Phạm Văn Kỉnh, cán bộ phái Stalin,

đi tù Côn Đảo về. Lại một anh bạn tù. Anh ta không có việc làm, sống chui lủi. Tôi tìm được việc cho anh ta ở Vĩnh Long. Anh định cư lại trong một ngôi nhà tranh trên bờ sông Cửu Long. Một buổi tối nọ, ô kia! tôi trông thấy ai trong túp lều của anh thế kia nhỉ? Trần Văn Giàu. Anh kể chuyện vừa vượt ngục, trốn khỏi cảng Tà Lài (Biên Hòa). Anh ta có vẻ thản nhiên, không lo lắng gì cả, cứ như anh coi xoàng tính cách là người tù vượt ngục của mình. Chúng tôi cùng xuống sông Cửu Long tắm, rồi anh ta biến đi biệt

Tôi thấy ấm cúng trong lòng khi được tin anh bạn Trần Văn Thạch, đi tù Côn Đảo về, mới tới Cần Thơ sống quản thúc ở đó. Chính anh ta đã đưa tôi vào làm sửa bài cho báo *Le Flambeau d'Annam* hồi 1937, khi tôi mới ra tù. Anh sống trong một gian phòng trên bờ sông Mê Kông. Tôi mang đến cho anh xà phòng và tình bạn. Nhiều khi, buổi tối, hai chúng tôi cùng ngồi hóng mát với nhau trên bờ sông. Một lần, anh tâm sự với tôi bằng tiếng Anh về ước mơ của anh: *I would like to go abroad after the war* (Mình ước mơ sau chiến tranh sẽ đi ra nước ngoài). Anh sẽ không bao giờ thực hiện được ước mơ ấy. Anh đã bị bắn chết bởi bọn tay chân của những người phái Stalin Trần Văn Giàu và Dương Bạch Mai tại chiến khu Bến Súc vào tháng mười 1945.

Cũng vào thời kỳ ấy, tôi gặp lại Hồ Hữu Tường cũng bị quản thúc ở Cần Thơ sau khi đi tù Côn Đảo về. Những cuộc tái ngộ xao xuyến lòng người: anh tâm sự với tôi về chuyện anh đã đoạn tuyệt với quá khứ sau những năm "suy tưởng" ở nơi đi đày. Đối với anh, chuyện giai cấp vô sản giải phóng nhân loại là cái ảo tưởng lớn nhất của thế kỷ XIX, và tiềm lực cách mạng của giai cấp vô sản châu Âu và Bắc Mỹ là ảo tưởng

lớn nhất của thế kỷ XX. Tôi thấy những lời lẽ đó không đủ sức bác bỏ cái nhìn kiêu hãnh và cao vời vời của người xưa kia đã dùi dắt tôi vào con đường hoạt động. Tôi cảm thấy mình như đã bị xoá khỏi quá khứ của anh... Tình bạn của chúng tôi trôi qua đi trước mắt tôi như dòng nước chảy xuôi kia của sông Cửu Long.



Mồng mười tháng ba 1945, Cần Thơ thức dậy thấy mình sống dưới chế độ thiết quân luật. Cùng với dân chúng ngạc nhiên xúm đông tụ tập trước những tấm áp phích lớn dán hối dem, tôi đọc bản bố cáo của viên tổng tư lệnh quân đội Nhật, đại thể như sau: "Trước sự phát triển của tình hình chiến sự, để chống lại các cuộc tấn công của Anh – Mỹ, chính phủ Đại Nhật Bản thấy mình có nghĩa vụ phải một mình mình lãnh lấy trách nhiệm bảo vệ Đông Dương, và tuyên bố không hề có ý đồ gì xâm chiếm đất đai. Chính phủ Đại Nhật Bản sẽ làm hết sức mình để giúp các dân tộc Đông Dương lâu nay sống dưới ách nô lệ thực hiện được hy vọng nóng bỏng của họ giành độc lập. Quân đội Nhật chỉ tiêu diệt chính phủ hiện tại và quân đội của nó, và không coi binh lính bản xứ là kẻ thù..." vân vân và vân vân, ba lăng nhăng.

Trong đêm hôm đó, Kempetai (hiến binh Nhật) đã bắt làm tù binh viên chủ tỉnh và các nhân viên mật thám cũng như hiến binh. Nó đã bốc ráp tất cả các người Pháp, dồn họ vào sống trong những khu xung quanh có canh gác. Chính quyền thuộc địa Pháp, sau khi đập tan bằng khủng bố, bạo lực và bằng mua chuộc mọi cố gắng rũ xiềng trong hơn tám mươi năm nay của

những người nô lệ, đã sụp đổ chỉ trong một đêm, đêm mồng 9 rạng mồng 10 tháng ba 1945. Người Nhật thay thế người Pháp đứng đầu chế độ áp bức, trong khi cứ tự giới thiệu mình, như ta đã thấy, là những người đi giải phóng. Tsuchihashi, tư lệnh quân đội Nhật, trở thành toàn quyền Đông Dương thay Decoux. Hoàng đế Annam Bảo Đại ngày 11 tháng ba tuyên bố Việt Nam "độc lập" dưới sự bảo trợ của Nhật và cử Trần Trọng Kim, một thanh tra giáo dục về hưu, đứng ra thành lập chính phủ hoàng gia ở Huế.

Một buổi tối, Lư Sanh Hạnh xuất hiện trước cửa nhà tôi – tôi chưa gặp anh ta từ ngày ở Phnôm Pênh. Anh ta kể cho tôi nghe những cuộc phiêu lưu của anh trong năm năm sống chui lủi. Thoát khỏi được cuộc bối ráp quy mô hồi đầu chiến tranh, tháng chín 1939, anh đã xoay sở lặn mất tăm tại nơi cung trời cuối đất miền tây Nam Kỳ, ở đó anh sống trong vai người kèm dạy trẻ tại tú gia dạy cô con gái độc nhất của nhà nông can đảm đã che giấu anh. Tôi rất thích câu chuyện tình thi vị của anh với người con gái đồng ruộng : anh tâm sự với tôi khi phải chia tay với cô, trái tim anh tan nát... Anh giúp tôi tiếp xúc với Nguyễn Văn Linh, một đồng chí lớn tuổi hơn chúng tôi đang dạy tư ở Cần Thơ. Nguyên là người sáng lập ra nhóm Đông Dương của Phái đổi lập cộng sản cánh tả ở Pháp, anh đã trở về nước hồi đầu chiến tranh. Đó là một sự gặp gỡ tốt đẹp đáng mừng. Chúng tôi họp ở nhà anh để bàn bạc nhận định tình hình trong khi cũng chưa xác định phương hướng hành động. Gặp lại được những người bạn đồng quan điểm, tôi cảm thấy mình như sống lại. Lư Sanh Hạnh muốn tập hợp lại những anh em còn sống sót để tái lập Liên đoàn những người cộng sản quốc tế chủ nghĩa của chúng tôi.

Tại Sài Gòn, những nhóm quốc gia chủ nghĩa, dưới thời Decoux bị đặt ra ngoài vòng pháp luật, bắt đầu hoạt động. Đảng quốc gia Việt Nam độc lập, do những người trí thức lập ra, cùng với các giáo phái Cao Đài và Hoà Hảo kêu gọi biểu tình "để bày tỏ lòng biết ơn của đất nước đối với quân đội Nhật đã giải thoát chúng ta khỏi quân thù Pháp". Nhưng Nhật ra lệnh cấm cuộc biểu tình ấy. Giáo phái Cao Đài – có một lực lượng bán quân sự vài ngàn tín đồ nông dân được Nhật huấn luyện – đã tham gia vào cuộc đảo chính bên cạnh quân đội Nhật. Giáo phái Hòa Hảo, cho đến lúc ấy còn ít người biết đến, bước ra sân khấu qua tiếng nói của Nhà sư Đôn, Thày Cả của họ, vừa ra khỏi nơi ẩn náu và xuất hiện tại vùng quân đội Nhật. Năm 1945, tại thánh địa của họ ở vùng Châu Đốc, các tín đồ của họ bắt đầu rèn dao, đúc kiếm và luyện tập sử dụng vũ khí. Giáo phái lập ra những đơn vị bảo an của riêng mình và có một quyền lực nào đó trên thực tế. Vào tháng bảy 1945, nhiều tín đồ của họ tham gia vào các đơn vị lính bổ sung của quân đội Nhật.

Với sự ủng hộ của Minoda, tên thống sứ Nam Kỳ của Nhật, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, cùng với một nhóm trí thức, tung ra vào tháng tư 1945 phong trào Thanh niên Tiên phong. Phong trào ấy mang tư tưởng ái quốc ái quân (kiểu thanh niên Komxomon của Stalin và Thanh niên Hitler) trên thực tế có đóng góp vào việc duy trì nền trật tự Nhật Bản và an ninh dân sự. Nó huy động tất cả những chàng trai khỏe mạnh từ mười ba tuổi trở lên, ở các trung tâm đô thị và cả ở những vùng nông thôn hẻo lánh thành một tổ chức mà người ta gia nhập với điều kiện phải tuyên thệ tuyệt đối phục tùng cấp trên. Mặc đồng phục, vũ trang bằng gậy tầm vông, những chàng "scout"

áy đi dêu, diễm hành với lá cờ vàng sao đỏ, đồng ca bài "Lên đàng", bài tráng ca sôi nổi về những người anh hùng xưa chiến thắng quân Tàu trên sông Bạch Đằng và ải Chi Lăng. Không tham gia vào tổ chức ấy "đồng nghĩa với không yêu nước". Sau đó xuất hiện tổ chức Phụ nữ Tiền phong tập hợp nữ thanh niên. Chẳng bao lâu sau, ở các thành phố, phong trào trở thành một quyền lực tiềm năng ở từng nhà máy, từng cơ quan, từng công xưởng, từng trường học. Cũng diễn ra như vậy ở nông thôn từ tổng đến thôn xóm. Đầu tháng tám 1945, Thanh niên Tiền phong đã tổ chức một cuộc tập hợp lớn làm lễ tuyên thệ ở Cần Thơ.

Cũng trong thời gian đó, không quân Anh – Mỹ triển khai hoạt động mạnh. Tại miền tây, người ta ở xa những tiếng động của chiến tranh. Nhưng đến Sài Gòn vào một ngày có máy bay, tôi thấy mình đứng dưới một cái hố. Sau những hồi còi báo động rền rĩ tiếp theo là tiếng bom nổ, đất rung rinh và người tôi chao đảo. Những cây to hai bên đường phố Norodom bị tiễn đứt. Những xóm nhà lá bốc cháy. Khắp nơi là liệt người chết và người bị thương dưới cơn mưa sắt thép lửa bom. Các đội Thanh niên Tiền phong thu lượm các xác chết và dọn dẹp những đống đổ nát. Những cuộc oanh tạc của từng đàn máy bay diễn ra hàng ngày. Các máy bay B29 bay rất cao, chẳng coi hoả lực phòng không Nhật ra gì. Các kho xăng cháy, khói bốc lên tận trời cao.

Khi tôi về làng thăm mẹ và các em, bà con nông dân trong xóm đưa cho tôi xem những đui đạn họ nhặt được sau những lần máy bay sà xuống xả súng liên thanh vào dân làng mà có thể chúng tưởng là quân Nhật ngụy trang. Anh Bảy tôi bảo người anh họ tôi:

– Mấy đứa con trai của anh đang nguy khốn đó.

Người anh họ tôi cho rằng chú Bảy nói như thế vì quân Nhật có đặt những khẩu đội cao xạ của họ ẩn dưới tán cây quanh nhà anh. Nhưng không có chuyện gì tai hại đã xảy ra cho đến ngày – sau khi quân Nhật rút về nước – bọn lính tráng đội quân viễn chinh Pháp, trong một trận càn quét, đã bắt tất cả bọn trẻ nhì ông anh họ tôi mang ra bắn ở nơi gọi là Cầu Sắt, rồi ném xác xuống sông.